

Mục đích xác định đúng đắn và khách quan một vùng lãnh thổ thuộc chế độ quy định của quốc gia nào, phải dựa vào những nguyên tắc và tiêu chuẩn của luật pháp và tịch quán quốc tịch để xem xét các sự pháp lý của mỗi bên tranh chấp, từ đó rút ra những kết luận chính xác. _____

I. Vấn đề chế độ quy định lãnh thổ trong luật pháp và tịch quán quốc tịch

Mục đích xác định đúng đắn và khách quan một vùng lãnh thổ thuộc chế độ quy định của quốc gia nào, phải dựa vào những nguyên tắc và tiêu chuẩn của luật pháp và tịch quán quốc tịch để xem xét các sự pháp lý của mỗi bên tranh chấp, từ đó rút ra những kết luận chính xác, tránh kiểu "luật rừng" trong đó chỉ có yếu tố "mạnh được yếu thua" là đáng kể.

Những vấn đề pháp lý về chế độ quy định lãnh thổ từ lâu đã được các luật gia trên thế giới nghiên cứu, bổ sung để dần dần xây dựng nên những nguyên tắc và tiêu chuẩn được luật pháp và tịch quán quốc tịch thừa nhận rộng rãi.

Trong việc xác định chế độ quy định lãnh thổ, thực tiễn luật pháp quốc tịch trong những thế kỷ trước đây đã chia ra năm hình thức chính thức để chế độ quy định lãnh thổ quốc gia:

- Thế chế bành chiễm hâu.

- Thế chế bành chuyển nhậng.

- Thế chế theo thệ hi.

- Thế chế bành xâm chiễm.

- Th  đ c b ng m  mang, ph t tri n.

S  ph t tri n c a lu t ph p qu c t    n a đ u th  k  XX đ  t c đ ng m t c ch c  b n đ n c c nguy n t c th  đ c ch  quy n l nh th  qu c gia. V i s  xu t hi n nguy n t c c m đ e d a b ng v  l c v  s  d ng v  l c trong quan h  gi a c c n c, vi c x m chi m l nh th  n c kh c b ng h nh đ ng v  trang đ  b  đ t ra ngo i v ng ph p lu t: V i s  xu t hi n nguy n t c b t kh  x m ph m v  to n v n l nh th  qu c gia, vi c thay đ i ch  quy n l nh th  qu c gia b ng v  l c hay b ng c c th  đ n l n chi m kh c đ u l  b t h p ph p.  ng th i s  xu t hi n nguy n t c quy n d n t c t  quy t c ng đ i h i ph i xem x t nh ng h nh th c th  đ c ch  quy n l nh th  b ng chi m h u, b ng chuy n nh ng, theo th i hi u... đ  tìm ra nh ng ti u chu n ph p l y đ ng đ n trong quan h  qu c t . Xem x t ch  quy n l nh th  đ i v i hai qu n đ o Ho ng Sa v  Tr ng Sa, ch ng ta c n nghi n c u hai v n đ :

- Th  đ c ch  quy n b ng chi m h u.

- Th  đ c ch  quy n theo th i hi u.

1. Th  đ c ch  quy n b ng chi m h u

Trong nh ng h nh th c th  đ c ch  quy n l nh th , tr c h t ph i k  đ n th  đ c ch  quy n b ng chi m h u, t c l  *s  th  đ c m t v ng l nh th  v  ch , kh ng thu c ch  quy n c a b t k  qu c gia n o.*

 n nay, khi nh ng v ng l nh th  v  ch  h u nh  kh ng c n n a, s  th  đ c l nh th  b ng chi m h u đ  m t đ    ngh a ban đ u c a n . Song nguy n t c n y v n đ c v n d ng trong vi c gi i quy t c c tranh ch p l nh th  đ  ch ng minh hay l m c  s  ch ng minh c c quy n c a m t qu c gia v i m t v ng l nh th  nh t đ nh.

Trong qu  tr nh ph t tri n c a l ch s , s  chi m h u đ  tr i qua hai giai đ n:

chỗm hỡu tỡng trỡng và chỗm hỡu thỡc sỡ.

Xuýt hiỡn cùng vớ nhỡng phát kiỡn đũa lý vớ đũa, sỡ chỗm hỡu mợt thỡi gian dài mang tỡnh chỡt hỡnh thỡc. Tỡ thỡ kỡ XV đỡn thỡ kỡ XVIII, thuyýt vớ quyỡn khám phá trỡc tiỡn và chỗm hỡu tỡng trỡng đỡc chỡp nhỡn. Nhỡng tỡ thỡ kỡ XIX, thuyýt chỗm hỡu thỡc sỡ lỡi trỡ thành cỡt lỡi cỡa nguyờn tỡc thỡ đỡc chỡ quyỡn lãnh thỡ.

Ngày nay, trong luỹt pháp và tỡp quản quỖc tỖ, ngỖi ta cho rỡng chỖ có nguyờn tỖc *chỗm hỡu đũa tiỡn, thỡc sỡ, rỡ ràng* đũa vớ đũa vớ chỖ là có giá trỡ đẽm lỡi chỖ quyỡn lãnh thỡ cho quỖc gia. Hành đỡng chỗm hỡu này phỡi là hành đỡng cỡa nhà nỖc. Đũa vớ chỖ phỡi là đũa không nỡm trong hỖ thỡng đũa lý hành chỡnh cỡa mợt nỖc nào. Nhỡng vũng đũa đũa đũa biên chỖ chỡnh thỡc vào hỖ thỡng đũa lý hành chỡnh cỡa mợt nỖc, dù vũng đũa đũa có hay không có đũa diỡn thỡng trỡc tỡi chỖ cỡa nhà nỖc, cỡng không thỡ coi là đũa vớ chỖ. Vớ chỗm hỡu bỡng vớ lỡc, bỡng hành đỡng chỡn tranh nhỡng vũng đũa đũa có chỖ không bao giỡ làm thay đũa đũa chỖ quyỡn lãnh thỡ.

Nguyên tỡc nói trên không phỡi ngay mợt lúc đũa hỡnh thành và đũa chỡp nhỡn mà phỡi trỡ qua mợt quá trỡnh đũa tranh lâu dài và phỡc tỡp.

a. Nguyờn tỡc chỗm hỡu tỡng trỡng

Tỡ đũa thỡ kỡ XIV, vớ sỡ phát triỡn cỡa ngành hàng hỡi, nhỡng cuỖc vớ đũa biỡn đũa tìm đũa mỡi ngày mợt nhiỖu, đũa thu hút sỡ chú ý cỡa nhỡng ngỖi đỡng đũa các vớng quỖc hỳng mỡnh. Sỡ kiỡn tìm ra quỖn đũa Canari nỡm 1130 cỡa đũa thỡy thỡ Tây Ban Nha; đũa thỡy thỡ Pháp cỡp bỡ biỡn chầu Phi... đũa thúc đũa hàng loỹt cuỖc thám hiỡm đũa biỡn khác. Nỡm 1480, nhỡng ngỖi Bỡ òa Nha đũa mỡi cỡc nam chầu Phi; 17 nỡm sau đũa, Vasco da Gama đũa vòng qua chầu Phi đũa nỡn đũa bỡng đũa biỡn. Nỡm 1492, Christopher Columbus lỡn đũa tiỡn đũa chân lên lỡc đũa chầu Mỡ; 3 nỡm sau đũa, Giovanni Cabot tìm ra Bỡc Mỡ và vũng đũa Mỡ; nỡm 1499, Pedro Alvares Cabral đũa bỡ biỡn Nam Mỡ. Đũa thỡ kỡ XVI, đũa thuyỡn cỡa Ferdinand Magellan lỡn đũa tiỡn hoàn thành cuỖc viỡn du vòng quanh thỡ giỡi. Nhỡng cuỖc thám hiỡm ly kỡ hỡp đũa đũa càng lỡi cuỖn nhiỖu ngỖi đũa tìm và làm chỖ nhỡng vũng đũa mỡi. Nỡm 1493, Giáo hoàng La Mã Alexander VI ra Sỡc lỡnh công nhỡn tỡt cỡ các vũng đũa đũa tìm thỡy và sỡ tìm thỡy cho hai nỖc Tây Ban Nha và Bỡ òa Nha là hai nỖc đũa đũa hai đũa đũa Thiên chúa, theo mợt đũa đũa

ranh gi i khép kín vòng qua hai c c trái đ t, cách phía tây qu n đ o Capve 100 đ m.

C quy n không th ch p nh n này đã b r t nhi u n c ph n đ i, nh t là Anh, Pháp, Hà Lan, nh ng n c đang ra s c phát tri n các đ i chi n thuy n đi xâm chi m thu c đ a đ m mang đ qu c. H òi đ i u ki n ch y u c a vi c chi m h u lãnh th vô ch ph i là *quy n khám phá tr c tiên*. Theo quan đ i m này, m t qu c gia qua trung gian c a mình là m t đ i thuy n buôn, n u c m đ c c n c mình tr c tiên lên m t hòn đ o hay b bi n hoang v ng, ho c có khi chi c n nhìn th y qua ng nhòm hay kính vi n v ng, là viên thuy n tr ng đã có th tuyên b quy n chi m h u đ u tiên và ch quy n qu c gia đ i v i lãnh th đó Ng i ta d dàng nh n th y h u qu c a thuy t này s không đ n đ n đâu, nên ch ng bao lâu sau, nó đã b b c b.

Sau khi lu t gia ng i Hà Lan Grotius đã v n d ng nh ng khái ni m v quy n s h u tài s n trong lu t La Mã vào l nh v c ch quy n lãnh th và thuy t v *quy n chi m h u t ng tr ng* đã ra đ i.

Thuy t này òi h i nhà thám hi m ph i đ b lên đ o hay b bi n và ph i l u l i b ng ch ng v vi c mình đã đ t chân lên n i đó, kèm theo m t tuyên b c a nhà n c v s kh i đ u quy n s h u. Nh v y ph i có hai đ i u ki n:

M t là, đ i u ki n v t ch t (corpus) ngh a là ph i có s ti p xúc v t ch t gi a ng i chi m h u và đ i t ng b chi m h u.

Hai là, đ i u ki n tinh th n (animus remsibihabendi) ngh a là ng i chi m h u ph i bi u th b ng hành đ ng ý chí c a mình mu n chi m h u lãnh th y.

Hai đ i u ki n đó là đ đ m t vùng đ t vô ch đ c coi là thu c ch quy n lãnh th c a qu c gia đã phát hi n ra nó mà không c n thi t l p s ki m soát trên th c t.

Song cùng với sự phát triển của lịch sử, thuyết chiếm hữu t r ng ngày càng b c l nh ng thi u s t và không còn đ c ch p nh n là c s đ y đ đ th đ c ch quy n l ãnh th . Tr c h t, m t b ng ch ng đ c l u l i trên m t vùng đ t m i có th ch ng minh quy n khám phá tr c tiên và ý chí th t l p ch quy n c a m t qu c gia đ i v i vùng đ t đó, nh ng không th xác đ nh đ c ph m vi không gian c a ch quy n t i đ u. N c Anh đã đòi ch quy n đ i v i c vùng B c M trong lúc Giovanni Caboto m i ch đi đ c theo b bi n t v t uy n 56

0

đ n 38

0

B c. M t khác, do đ i u ki n thông tin qu c t lúc đó ch a phát triển nên đã đ n t i tình tr ng các n c không đ c thông tin đ y đ và k p th i v m t vùng l ãnh th nào đó đã đ c m t qu c gia phát hi n và xác đ nh thu c v ch quy n c a mình. Còn nh ng b ng ch ng l u l i nh c, cây th p t, c t g v.v.. thì không ph i bao gi c ng gi đ c nguyên v n trên nh ng vùng đ t m i phát hi n. Do đó đã x y ra vi c tái phát hi n và sáp nh p đi sáp nh p l i nhi u l n các vùng đ t m i.

M t s lu t gia đã b c u thi u s t này b ng lu n th y t cho r ng, nh ng b ng ch ng t r ng tr ng nh c m c, đ ng bia, ra tuyên b... ch a đ đ ch ng minh vi c th đ c ch quy n l ãnh th , mà ph i có nh ng b ng ch ng th c s v vi c th c hi n ch quy n qu c gia nh s hi n di n c a qu c gia, vi c ti n hành các ho t đ ng th c hi n ch quy n qu c gia trên l ãnh th b chi m h u thì s chi m h u m i có giá tr pháp lý. Th y t này đ c đ o các lu t gia và c các chính ph đ ng tình ãng h .

b. Nguyên t c chi m h u th c s trong lu t pháp và t p quán qu c t

N m 1884, đ gi i quy t vi c tranh ch p nh ng vùng đ t r ng l n thu c Congo (châu Phi), 13 n c châu âu và M đã h p h i ngh ã Berlin và ký Th a c Berlin 1885, trong đó có hai đ i u kho n quy đ nh:

1) Vi c m t qu c gia nào chi m h u m t vùng l ãnh th m i ã châu Phi đ u ph i đ c thông báo cho các n c tham gia h i ngh bi t (đ i u 34).

2) Các n c chi m h u ph i b o đ m s t n t i c a m t t ch c chính quy n t i vùng l ãnh th h chi m h u đ thi hành lu t pháp, và khi c n thi t đ b o v t do

buôn bán và quá c nh trong các đi u ki n đã đ ợc quy đ nh (i u 35).

Th a ợc Berlin tuy ch gi i quy t v n đ tranh ch p lãnh th ị châu Phi và ch r àng bu c 14 n ợc ký k t, nh ng hai đi u ki n trên đã đ ợc ch p nh n làm c s cho lu t qu c t v ch quy n lãnh th và đ ợc Vi n Pháp lu t qu c t Lausanne (Th y S), đ a vào b n d th o tuyên b ngày 7-9-1888 v ch quy n lãnh th. Sau này Hòa ợc Saint Germain ký ngày 10-9-1919 có m t đi u đi u kho n bác b Th a ợc Berlin 1885, nh ng riêng hai đi m c b n nói trên v n đ ợc coi là tiêu chu n c a vi c xác l p ch quy n lãnh th trên các vùng đ t m i.

T ớ đ ợc n a đ u th k XX, nhi u lu t gia đã b sung thêm nhi u khía c nh c th. Ví d nh vi c th a nh n chi m h u t ợng tr ợng ị nh ng n i không có ng ợi ị ho c ít ng ợi lui t i, còn ị các vùng đông dân c thì chi m h u th c s là đi u ki n b t bu c; hay ch tr ợng không nh t thi t ph i có ng ợi ị mà vi c chi m h u đ ợc coi là th c s n u qu c gia chi m h u có ph ợng ti n th ợng xuyên lui t i lãnh th chi m h u đ ki m soát qu n lý. Nh ng vùng đ t tuy không có đ i di n c a nhà n ợc ị t i ch, th ợng xuyên, nh ng đã đ ợc các v n b n pháp lý chính th c xác nh n quy n chi m h u tr ợc tiên, đã đ ợc biên ch vào trong h th ợng đ a lý hành chính c a n ợc đó và nhà n ợc đó đã có nh ng hành đ ợng th c hi n ch quy n m t cách th c s, rõ ràng, thì n u qu c gia đó ch a có tuyên b và hành đ ợng t b ch quy n c a mình, nh ng vùng đ t đó không th coi là đ t vô ch. Lu n thuy t này đ ợc áp d ợng cho vi c chi m h u các vùng đ t ị châu Nam c c và các hòn đ o mà đi u ki n đ a lý không cho phép ng ợi dân đ n đ nh c lâu dài.

Qua các quy t đ nh c a Tòa án qu c t xét x các v tranh ch p đ o Greenland gi a Đan M ch và Na Uy, đ o Clipperton gi a Pháp và Mêhicô, đ o Palmas gi a Hoa K ị và Hà Lan... đ n nay, theo tinh th n chung c a lu t pháp và t p quán qu c t, s th đ c ch quy n lãnh th b ợng chi m h u ch có giá tr pháp lý khi nó đ p ợng nh ng đi u ki n c b n sau đây:

i) Vùng đ t, đ o b chi m h u ph i là m t lãnh th vô ch, không n m ho c không còn n m trong h th ợng đ a lý hành chính c a m t qu c gia nào

Vùng đ t, đ o đó có th có ho c không có ng ợi ị. Nh ng khái ni m vô ch có ngh a là vùng đ t, đ o có không n m trong h th ợng đ a lý hành chính c a b t c n ợc nào, ho c tuy đã t ợng thu c v m t qu c gia nh ng qu c gia này đã t b v

không có ý định tiếp tục thực hiện chủ quyền của mình ở đó. Vùng đất, đảo như thế được coi là vô chủ và có thể trở thành đối tượng chiếm hữu của bất kỳ quốc gia nào. Thí dụ, đảo Saint Martin ở gần Guadeloupe thuộc Trung Mỹ do Tây Ban Nha chiếm hữu từ giữa thế kỷ XVII. Nhưng vì không có khả năng tiếp tục quản lý, họ đã quyết định từ bỏ quyền chiếm hữu đảo, rút khỏi đảo sau khi đã phá hủy mọi thiết bị và công trình xây dựng. Đảo trở thành vô chủ. Người Pháp, người Hà Lan cùng một lúc đến chiếm đảo và tuyên bố thiết lập chủ quyền của nước họ. Cuộc tranh chấp đã được giải quyết như sau: nhà đảo người người Pháp đã đứng lên thuộc chủ quyền của Pháp, còn nhà kia thuộc về Hà Lan.

Trường hợp đảo Palmas ở đông nam Philippin cũng nêu một tiền lệ. Năm 1606, Tây Ban Nha đã chiếm hữu hòn đảo này cùng với các đảo khác trong quần đảo Philippin. Nhưng họ mới chỉ tuyên bố quyền chiếm hữu thông thường, chưa có tiếp tục hành chính và biện pháp cai trị gì, chưa có một văn bản chính thức nào của nhà nước với thực hiện chủ quyền đối với hòn đảo, và đến cuối thế kỷ XVII thì rút bỏ hoàn toàn. Sau đó Hà Lan đã chiếm hữu đảo và trong các năm 1667, 1697, 1785, 1885, 1889, họ đã ký một loạt hiệp nghị và văn kiện với các tù trưởng địa phương, với Công ty Đông Ấn... có liên quan đến việc tiếp tục hành chính, kinh tế... trên đảo. Tây Ban Nha biết, nhưng không có ý kiến gì. Sau khi cuộc chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha kết thúc, theo Hòa ước Paris ký ngày 10- 12 - 1898, Tây Ban Nha nhượng cho Mỹ quần đảo Philippin, trong đó gồm cả đảo Palmas. Sau năm 1906, khi Mỹ đã tiếp quản thì thấy đảo đang do chính quyền Hà Lan quản lý. Sự việc được đưa ra Tòa án quốc tế La Haye và Hà Lan đã thắng cuộc. Vì sau khi Tây Ban Nha chấm dứt chủ quyền đối với đảo này, nó đã trở thành vô chủ. Hà Lan đã chiếm hữu đảo và tiếp tục quản lý kiểm soát thực sự, công khai, liên tục.

Trái lại, có một hòn đảo ở Biển Bắc do Anh chiếm hữu; lợi dụng việc quản lý và bảo vệ đảo có lúc lỏng lẻo, một nước khác đã đến chiếm đảo, xây dựng ở đó một căn sở đánh bắt và chế biến cá voi khá lớn, rồi tuyên bố chủ quyền của mình đối với hòn đảo. Trường Tòa án quốc tế, chủ quyền đã được trả lại cho Anh vì việc chiếm hữu một vùng đất đã có chủ là hành động bất hợp pháp.

Qua thực tiễn trên ta thấy, việc phát hiện ra một vùng đất, đảo có thể giữ vai trò quan trọng đối với việc chiếm hữu vùng đất đảo đó nếu nó là vô chủ, nhưng sự chúng có ý nghĩa gì nếu nó đã được một quốc gia khác chiếm hữu. Một khác, nguyên tắc chiếm hữu thực sự đòi hỏi phải có sự kiểm soát và quản lý trên thực tế vùng lãnh thổ đã chiếm hữu. Vì vậy, phát hiện ra một vùng đất mới mới chỉ là một mong muốn của quyền đối với vùng đất đó, và quyền có tính chất tiềm năng ấy có thể mất đi nếu nó không được công bố bằng những hành động tích cực khác để thiết lập sự chiếm hữu thực sự. Tuy nhiên, yếu tố phát hiện trong quá khứ vẫn có thể

đ c s d ng khi c n thi t p i ch ng minh ngu n g c c a vi c thi t l p ch quy n.

ii) Vi c chi m h u p i là hành đ ng c a nhà n c

Vi c chi m h u m t vùng lãnh th p i là m t hành đ ng có tính ch t nhà n c, ngh a là đ c th c hi n b i nh ng viên ch c đ i di n cho nhà n c ho c nh ng ng i đ c nhà n c y quy n, thì m i có giá tr pháp lý. Hành đ ng c a nh ng ng i mang t cách cá nhân, ho c c a nh ng t p th , t ch c t nhân đ u không có giá trị pháp lý đ xác đ nh ch quy n lãnh th . Tuy nhiên trong m t s tr ng h p, các hành đ ng c a t nhân v i danh ngh a công dân c a m t qu c gia, dù ch a đ c nhà n c đó ch ng nh n, c ng có th có m t ý ngh a nh t đ nh. Nh khi gi i quy t tranh ch p lãnh th , nh ng hành đ ng này s là ch ng c có l i cho m t qu c gia n u phía bên kia không có m t hành đ ng có ý ngh a pháp lý nào đ c th c hi n.

iii) Vi c chi m h u p i là th c s , rõ ràng

C s c a s chi m h u th c s là p i thi t l p m t c ch nhà n c c n thi t nh m m c đích ki m soát, qu n lý, b o v vùng lãnh th đã chi m h u và th c hi n trên th c t quy n tài phán ó. ây là m t đ i u ki n pháp lý quan tr ng đã đ c Tòa án qu c t v n d ng khi xét x các v tranh ch p lãnh th , nh v tranh ch p qu n đ o Minquier và érehous gi a Anh và Pháp n m 1950. Pháp thì l p lu n là n m 1204, sau khi quan h gi a Anh và Pháp b c t đ t, vua Philip II Augustus đã n m l y qu n đ o Minquier và v đ a lý hành chính, qu n đ o này v n ph thu c qu n đ o Jersey c a Pháp. Còn Anh thì đã ch ng minh ch quy n c a mình đã đ c thi t l p ó đây t nhi u th k . H đ n ra hàng loạt b ng ch ng nh : nh ng bi n pháp pháp lý đ i v i nh ng v ph m pháp hình s trên qu n đ o trong các n m 1881, 1883, 1891, 1913 và 1921; vi c đ t qu n đ o này thành m t h i c ng ó bi n Manche... Cu i cùng, Tòa án đã x cho Anh th ng cu c.

úng nh lu t gia n S.Sác ma đã nh n xét: "Trong khi xác đ nh tính th c s c a vi c th c hi n ch quy n, các tòa án qu c t quan tâm nhi u đ n nh ng b ng ch ng có quan h tr c ti p đ n vi c s h u vùng lãnh th tranh ch p h n là đ n nh ng b ng ch ng đ c dùng đ kh ng đ nh các quy n có tính ch t tr u t ng đã có đ c t nh ng th i xa x a".

Trởc đây, m t s lu t gia cho r ng, đ thi t l p s qu n lý và ki m soát m t vùng lãnh th thì không th thi u vi c t ch c dân c . Ngày nay, v i nh ng vùng lãnh th không có dân c vi c ki m soát có th đ c ti n hành b ng các ph ng ti n k thu t, do đó vi c t ch c dân c không còn là bi n pháp duy nh t. Lu t gia H.Uôn đ cho r ng: "Theo lu t pháp qu c t hi n đ i, tiêu chu n có tính ch t quy t đ nh quy n c a m t qu c gia đ i v i m t vùng lãnh th nh t đ nh là vi c th c hi n ch c n ng nhà n c m t cách phù h p v i các đ i u ki n c a vùng lãnh th đó và v i m t khi i l ng c n thi t đ thi hành các ngh a v c a qu c gia theo lu t qu c t".

Khi xét x tranh ch p đ o Greenland gi a an M ch và Na Uy, Tòa án qu c t đ công nh n ch quy n c a an M ch đ i v i ô ng Greenland, m c dù trởc đó ở đây không có dân an M ch, còn v sau thì có c dân Na Uy. Tòa k t lu n: "Có ý đ nh hành đ ng v i t cách là ng i có ch quy n lãnh th và có s th c hi n trên th c t quy n l c nhà n c là đ".

Trong v tranh ch p đ o Clipperton, tr ng tài tuyên b: "N u m t vùng lãnh th không có dân c t th i đ i m chi m h u đ u tiên c a m t qu c gia mà thu c ch quy n hoàn toàn và không th tranh cãi đ c c a qu c gia đó, thì vi c chi m h u có th đ c coi là đ y đ".

Lu t pháp qu c t đòi h i vi c th c hi n các ch c n ng nhà n c trên vùng lãnh th chi m h u phi mang tính liên t c, b i vì vi c đ i n ch m t ho t đ ng nh v y trong m t kho ng th i gian t ng đ i dài mà không khi ph c l i nó có th đ c hi u là s t b vùng lãnh th này và không có ý đ nh ti p t c th c hi n ch quy n ó.

Tuy nhiên, yêu c u th c hi n các ch c n ng nhà n c m t cách th ng xuyên, liên t c không có ngh a là phi có tính đ nh k t t đ u đ n. Nhà nghiên c u Xô-vi t B.M.Klimencô cho r ng: "Kho ng cách gi a nh ng hành đ ng th c hi n ch quy n đ i v i vùng lãnh th đ chi m h u có th khác nhau, ph thu c vào nh ng đ i u ki n c th, k c v trí c a vùng lãnh th và tình hình dân c ó đó".

Nh v y đ i v i nh ng vùng lãnh th khó đi đ n, tính liên t c c a vi c th c hi n ch quy n không có ý ngh a tuy t đ i mà ph thu c vào m c đ c n thi t và kh n ng

đi đ n v` ùng lãnh th đã chi m h u đó.

iv) Tính hòa bình c a s chi m h u, vi c chi m h u ph i đ c d lu n đ ng th i ch p nh n

Yêu c u v tính hòa bình c a s chi m h u có ngh a là s chi m h u không đ c là s t c đ o t quy n c a m t qu c gia khác b ng v l c hay b ng ho t đ ng lén lút, vi c chi m h u ph i công khai và đ c d lu n đ ng th i ch p nh n.

Ngày nay, ng i ta th ng dùng hình th c tuyên b ho c thông báo b ng các ph ng ti n thông tin đ i chúng đ công khai hóa các s ki n. Nh ng đ i v i các s ki n x y ra trong quá kh khi quan h qu c t ch a phát tri n r ãi, vi c công khai hóa các s ki n ch b ng hình th c gián ti p ho c tay đ ôi, thì khi xem xét vi c m t n c đã chi m h u và th c hi n ch quy n đ i v i m t vùng lãnh th, ng i ta ch chú ý đ n vi c lãnh th này tr c đó đã thu c ch quy n c a m t n c nào ch a? S chi m h u y có b n c nào ch ng l i không và d lu n đ ng th i đã ch p nh n hay ph nh n ch quy n đ i v i vùng đ t y?...
Trên c s đó, đánh giá c s pháp lý c a ch quy n n c đó đ i v i vùng lãnh th.

M t s lu n c khác c ng đ c đ a ra đ bi n minh quy n chi m h u đ i v i m t vùng đ t, nh ng đã b lu t pháp và t p quán qu c t c ng nh th c t l ch s bác b.

Tr c khi nguyên t c chi m h u th c s có v trí v ng ch c trong lu t pháp qu c t, có lúc các nguyên t c *k c n đ a lý và liên t c lãnh th* đã đ c đ a ra đ v n đ ng.

Có nh ng n c l p lu n r ng m t s đ o tuy n m ã ngoài lãnh h i nh ng ã g n lãnh th n c h ho c n m trên ph n kéo dài liên t c c a lãnh th n c h, nên ph i thu c v ch quy n c a h. L p lu n này đ c s đ ng nh m m r ng các yêu sách lãnh th ra ngoài ranh gi i vùng lãnh th có trong th c t.

Vic xác đnh ch quy n lãnh th theo nguyên t c k c n đ a lý ho c liên t c lãnh th vì không có ranh gi i rõ ràng nên đã làm n y sinh nhi u tranh ch p. 00n khi s ki m soát c a các qu c gia đ i v i lãnh th c a mình đ c t ng c ng, ch quy n lãnh th đ c xác đnh trên nh ng vùng lãnh th có đ ng biên gi i qu c gia đ c đnh hình rõ ràng thì nguyên t c k c n đ a lý và liên t c lãnh th đã b b c b và nh ng ch cho nguyên t c chi m h u th c s . K t lu n c a Tòa án qu c t v cu c tranh ch p gi a M và Hà Lan đ i v i đ o Palmas đã ch rõ: "Y u t k c n đ a lý không th đ c th a nh n là m t bi n pháp pháp lý đ gi i quy t các v n đ v ch quy n lãnh th vì nó hoàn toàn không chính xác và n u áp d ng nó thì s đ n đ n nh ng k t qu đ c đoán".

ã có nh ng l p lu n: *Công 00c v Lu t Bi n* c a Liên h p qu c n m 1982 đã th a nh n các quy n thu c ch quy n c a n 00c ven bi n đ i v i th m l c đ a là ph n kéo dài t nhiên c a đ t li n c a n 00c đó ra bi n, nh th có ngh a là Công 00c đã ch p nh n nguyên t c liên t c c a lãnh th. T t nhiên, s liên t c lãnh th là ngu n g c c a nh ng l i ích kinh t , chính tr , chi n l 00c và các l i ích khác c a qu c gia có th đ n t i vic qu c gia thi t l p ch quy n đ i v i vùng lãnh th đó phù h p v i lu t pháp qu c t . Tuy nhiên đi u này c ng ch có giá tr đ i v i m t vùng lãnh th ng p n 00c ch a đ c lu t pháp qu c t xác đnh tính ch t ch quy n lãnh th t c là còn vô ch , ch không th áp d ng đ i v i các đ o và vùng lãnh th ng p n 00c đã đ c lu t pháp qu c t xác đnh tính ch t ch quy n lãnh th t lâu.

Trong th c ti n qu c t đã có r t nhi u tr ng h p y u t k c n đ a lý không đ c l y làm c s đ xác đnh ch quy n lãnh th. Trong v tranh ch p đ o Clipperton, m t hòn đ o 0 Thái Bình D ng cách b bi n Mexico 500 h i lý và cách n 00c Pháp trên 10.000 h i lý, nh ng Tòa án qu c t đã k t lu n đ o đó thu c n 00c Pháp vì Pháp đã thi t l p ch quy n trên đ o này tr c tiên. 00o Cocos cách Ô xtrây lia t i 2.500 và 0 g n Ấn đ n xia h n nh ng l i thu c ch quy n c a Ô xtrây lia. Hòn đ o Boign, Sai bai cách b bi n Papua New Guinea 4 km, cách Ô xtrây lia 140 km nh ng thu c ch quy n c a Ô xtrây lia. 00o Corse- quê h ng c a Na-pô-lê-ôn 0 cách xa b bi n n 00c Pháp g p m y l n kho ng cách t i b bi n Italia, nh ng l i thu c Pháp.

M t s ng 00i vin vào "s t i c n thi t v an ninh - qu c phòng" c a n 00c mình đ đòi h i ch quy n đ i v i m t vùng đ t, đ o nào đó. Th c ch t đây ch là m t bi n t ng c a thuy t "không gian sinh t n" c a phát xít 00c tr c đây. Đ a vào thuy t này, chúng đã l n l 00t xâm chi m lãnh th c a các n 00c xung quanh.

Tờ quang D trong báo Quân giải phóng Trung Quốc ngày 3- 4-1987 đã đưa ra một luận điểm về “đường biên giới địa lý và đường biên giới chính trị”. Tác giả của nó lập luận: đường biên giới địa lý là đường biên giới tự nhiên đã được các văn bản pháp lý công nhận. Còn đường biên giới chính trị là một đường biên giới có sẵn, thể hiện sức mạnh tổng hợp của một quốc gia, và phục vụ cho lợi ích sinh tồn, lợi ích kinh tế, an ninh và khoa học của quốc gia đó. Nếu nước này, yêu không được sức bọo về đường biên giới địa lý của mình thì đường biên giới chính trị sẽ phải lùi vào phía trong đường biên giới địa lý và lâu dần sẽ bị mất đất đai lãnh thổ. Còn nước lớn mạnh thì có được sức đưa đường biên giới chính trị ra xa ngoài đường biên giới địa lý và nếu không chờ được đường biên giới chính trị đó lâu dài thì sẽ mở rộng được lãnh thổ của mình. Vì chiểu về tình hình trong nước, tác giả đã kết luận: “... cần phải đưa quốc môn (của ngõ quốc gia) của mình ra đến những vùng biên rộng lớn để bọo về lợi ích của mình”.

Theo luận điểm này, chế quyên lãnh thổ được thu hợp hay mở rộng chế phụ thuộc vào sức mạnh. Thực chất đây cũng chế là một biến tướng của thuyết “không gian sinh tồn” đã nói ở trên về một cái về khác mà thôi. Đây là một luận điệu vô cùng nguy hiểm, biến hợp cho chính tranh xâm lược, lập ngòi nổ cho các cuộc chính tranh liên miên, đe dọa sự ổn định và hòa bình của khu vực và của thế giới.

2. Thế chế chế quyên theo thời hiều

Trong các hình thức thế được chế quyên lãnh thổ, cũng cần xem xét nguyên tắc thế được chế quyên theo thời hiều, một nguyên tắc mà một số nước lợi dụng để mởo nhận chế quyên về với một số vùng lãnh thổ mà họ đang chính đóng một cách bất hợp pháp.

Thế được chế quyên theo thời hiều trong luật pháp quốc tế được hiều là thế được chế quyên về với một vùng lãnh thổ bằng chính hợp trên thực tế trong một thời gian dài và không có sự tranh chấp trực tiếp, tuy về một pháp lý chế quyên về với vùng lãnh thổ này còn là vấn đề gây nhiều tranh cãi.

Thuyết thế được chế quyên theo thời hiều đã hình thành vào thời kỳ mà việc gây chính tranh xâm lược và xâm chính bằng về lợi ích những vùng lãnh thổ của các nước khác chếa về luật pháp quốc tế lên án và cấm đoán, còn nguyên tắc quyên dân tộc tự quyết thì chếa được coi là một tiêu chuẩn của luật pháp quốc tế. Về sau thuyết này về coi là không phù hợp về những nguyên tắc và tiêu chuẩn của luật pháp quốc tế hiện đại, trừ trường hợp về thế được chế quyên lãnh thổ không phải là xâm chính bằng về lợi ích những vùng lãnh thổ của nước khác và không vi phạm quyên

dân tộc tự quyết.

Ngay cả ta phân biệt hai trường hợp thì được chủ quyền theo thời hiệu diễn ra tại lúc bắt đầu sự chiếm hữu:

- Chiếm hữu một vùng lãnh thổ mà trước đó đã được coi là thuộc về một quốc gia khác.

- Chiếm hữu một vùng lãnh thổ mà nguồn gốc không rõ ràng, còn bị tranh cãi hoặc khó chứng minh tính hợp pháp của việc chiếm hữu.

Trong trường hợp thứ nhất, việc bắt đầu chiếm hữu một vùng lãnh thổ của nước khác nhằm mục đích tạo ra chủ quyền đối với vùng lãnh thổ đó theo thời gian chiếm hữu, là bất hợp pháp.

Trong trường hợp thứ hai, nguồn gốc của sự bắt đầu chiếm hữu không rõ ràng, sự chiếm hữu vào thời điểm đó chưa được hình thành một cách đầy đủ, sự tồn tại chủ quyền trước đó đối với vùng lãnh thổ này vẫn có thể bị tranh cãi.

Sự khác nhau giữa chiếm hữu thực sự và thì được chủ quyền theo thời hiệu là ở chỗ: sự chiếm hữu thực sự hàm ý chủ quyền sự hữu lãnh thổ về pháp lý và trên thực tế (de jure et de facto) còn thì được chủ quyền theo thời hiệu chủ đòi hỏi sự thực hiện chủ quyền quốc gia trên thực tế (de facto) đối với lãnh thổ đó mặc dù trong một thời gian dài, về mặt pháp lý (de jure) vùng lãnh thổ đó không phải là bị phần lãnh thổ của quốc gia. Còn sự giằng nhau là ở chỗ việc thực hiện quyền lực quốc gia và chức năng nhà nước thích hợp với các điều kiện của vùng lãnh thổ trong hai trường hợp đầu như nhau.

Sự thì được chủ quyền theo thời hiệu đòi hỏi việc thực hiện chủ quyền trên thực tế đối với một vùng lãnh thổ trong một thời gian tương đối dài, nhưng thực tiễn luật pháp quốc tế chưa hề đưa ra một thời hạn chung nào cho tất cả mọi trường hợp.

Luật pháp quốc tế hiện đại đã phê phán và không chấp nhận nguyên tắc thực địa quyên theo thời hiệu vì nó đã nhiều lần bị lợi dụng để biến mình cho những hành động xâm lược. Một số nước đã dùng hành động quân sự hoặc lén lút xâm chiếm những vùng lãnh thổ vốn thuộc chủ quyền của một nước khác, thiếp lập quyên kiểm soát ở đó rồi lợi dụng nguyên tắc thực địa quyên theo thời hiệu, lâu dần biến lãnh thổ nước khác thành lãnh thổ của mình một cách bất hợp pháp. Số chiếm đoạt lãnh thổ của nước khác một cách bất hợp pháp như vậy đã vi phạm cùng một lúc ba nguyên tắc đã được luật pháp quốc tế hiện đại thừa nhận: nguyên tắc cấm đe dọa bằng vũ lực và sử dụng vũ lực, nguyên tắc bất xâm phạm và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia và nguyên tắc quyên dân tộc tự quyết. Những hành động đó nhất định sẽ bị luật pháp quốc tế và dư luận tiến bộ trên thế giới lên án mạnh mẽ.

II. Quan điểm của các nước tham gia vào cuộc tranh chấp hai quần đảo với Việt Nam

Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ Việt Nam từ lâu đời. Những do hai quần đảo ở vào vị trí chiến lược trọng yếu trên Biển Đông, đồng thời là chìa khóa những tài nguyên quý giá, nên từ đầu thế kỷ XX nhiều nước đã và đang tìm mọi cách tranh chấp hai quần đảo này.

Tình hình tranh chấp chủ quyền đối với hai quần đảo này đã diễn ra rất phức tạp. Có nước nhẩy vào chiếm đóng trái phép một cách trắng trợn, có nước lợi đi dần từng bước, vừa thăm dò, vừa lấn chiếm. Có nước thì bực lợi ý đồ tranh chấp đã gần trăm năm nay, có nước gần đây mới bất đầu xen vào cuộc tranh chấp.

Tranh chấp quần đảo Hoàng Sa có Nhật Bản và Trung Quốc. Tranh chấp quần đảo Trường Sa thì có Nhật Bản, Anh, Trung Quốc, Philippin và Malaixia.

Vào những năm 20 của thế kỷ XX, Nhật Bản lấy lý do người Nhật đã từng đến lập nghiệp và khai thác phát hiện quần đảo Hoàng Sa đòi hỏi chủ quyền đối với quần đảo này. Trước Chiến tranh thế giới lần thứ hai, Nhật đã cho quân chiếm đóng hai quần đảo và lập những căn cứ quân sự ở đó. Năm 1945, Nhật thua trận, đã phải rút quân khỏi hai quần đảo, trả lợi chủ quyền cho Pháp. Tháng 9-1951, tại Hội nghị San Francisco, Nhật đã chấp nhận ghi trong Hòa ước: "Nhật Bản từ bỏ mọi quyên, danh nghĩa và yêu sách đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa". Âm mưu của Nhật tranh giành quyên làm chủ đối với hai quần đảo này đến đây chấm dứt.

Nước Anh, từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, sau mấy chục năm xen vào tranh chấp với nhà cầm quyền Pháp ở quần đảo Trường Sa, cuối cùng thì thấy không có đủ cơ sở pháp lý để tiếp tục cuộc tranh chấp nên cũng đã lặng lẽ rút lui.

Cho đến nay chỉ còn lại Trung Quốc và Đài Loan tranh chấp chủ quyền đối với một số đảo ở các hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; Philippin và Malaixia tranh chấp chủ quyền đối với một số đảo ở quần đảo Trường Sa.

Đôi đây chúng ta sẽ lần lượt xem xét hành động và yêu sách của các nước này trong việc tranh chấp chủ quyền đối với một số đảo ở quần đảo Trường Sa, bắt đầu lãnh thổ của Việt Nam.

1. Trung Quốc

Cho đến đầu thế kỷ XX, hàng loạt tài liệu và bản đồ chính thức và nhà chính thức của Trung Quốc đều vẽ đảo Hài Nam là điểm cuối cùng về phía nam của lãnh thổ Trung Quốc (như *Thị Thanh đồ quốc toàn đồ* do Trường và Trần soạn năm 1905, in lại lần thứ 4 năm 1910) hoặc ghi rõ ràng: "Điểm cực nam của Trung Quốc nằm trên biển Châu Hải, phía Quần Châu - tức đảo Hài Nam (như *Hoàng Trìu nhất thống đồ địa toàn đồ* in năm 1894, cũng như trong cuốn *Trung Hoa địa lý học giáo khoa thư* của Tuke năm 1906).

Năm 1895- 1896, hai chiếc tàu Bellona của Anh và Imezin Maru của Nhật chủ động cho Anh bắt đảo Hoàng Sa, người dân Trung Quốc ở đảo Hài Nam ra cướp đảo trên hai chiếc tàu đó đem về bán. Người Anh lên tiếng phản đối, thì Tổng đốc Quảng Đông (Quảng Tây và Quảng Đông) trả lời rằng *quần đảo Hoàng Sa không thuộc về Trung Quốc*, do đó Trung Quốc không chịu trách nhiệm gì về việc đó cả.

Năm 1909, lần đầu tiên trong lịch sử, Trung Quốc bắt đầu tham vọng đối với quần

đo Hoàng Sa của Việt Nam bằng cách cho hai pháo thuyền nhỏ tiến hành một cuộc thám dò chớp nhoáng lên vài hòn đảo của quần đảo Hoàng Sa trong một ngày đêm.

Vào khoảng giữa những năm 30 của thế kỷ XX, lần đầu tiên bản quần đảo Biện Đông trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của Việt Nam được thể hiện dưới cái tên Trung Quốc "Tây Sa quần đảo" và "Nam Sa quần đảo" trong bản đồ phân tỉnh Quảng Đông, in trong tập *Trung Quốc phân tỉnh tân địa xuất bản* ở Thượng Hải.

Cuối năm 1946, một năm sau khi Nhật Bản bại trận phải rút khỏi Đông Dương, lại đúng lúc tình hình đây chạ ổn định chính quyền Quốc dân Đảng Trung Quốc đã cho một số tàu chiến đưa quân ra đổ bộ lên mấy hòn đảo quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Chính phủ Pháp đã chính thức lên tiếng phản đối hành động bất hợp pháp này và cho tàu chiến đưa quân đổ bộ lên lập lại trạm trú trên đảo Hoàng Sa thuộc quần đảo Hoàng Sa.

Ngày 1-12-1947, Tổng Giám đốc ký một sắc lệnh đặt tên cho các đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa mà họ gọi là "Tây Sa" và "Nam Sa" đồng thời sáp nhập hai quần đảo vào lãnh thổ Trung Quốc. Năm 1950, khi chính quyền Quốc dân Đảng thất trận ở lục địa Trung Hoa phải rút về Đài Loan thì cũng rút luôn số quân chiếm đóng trái phép mấy đảo của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngày 15-8-1951, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa chính thức nêu yêu sách về chủ quyền đối với hai quần đảo: "Các quần đảo Tây Sa (tức Hoàng Sa của Việt Nam) và Nam Sa (tức Trường Sa của Việt Nam) cũng như các quần đảo Đông Sa và Trung Sa (thực ra là một bãi ngầm chạ nổi lên khi mặt nước) lúc nào cũng là lãnh thổ Trung Quốc". Điều đáng lưu ý là yêu sách chính thức này được đưa ra tiếp sau việc công bố *Trung Hoa nhân dân Cộng hòa quốc phân tỉnh tỉnh địa* in năm 1950, trong đó có bản đồ vẽ ba quần đảo Biện Đông: quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa (mà họ gọi là "Tây Sa" và "Nam Sa), quần đảo Đông Sa và bãi ngầm Macclesfield (Trung Quốc gọi là quần đảo Trung Sa), thể hiện đường quốc giới trên biển của Trung Quốc ôm lấy gần như toàn bộ Biện Đông (trên 80%) đi sát bờ biển của Philippin, mở rộng đến tận vĩ độ 4

Bức sát bờ biển Malaixia, xâm phạm chủ quyền và quyền lợi của nhiều nước ở chung quanh Biện Đông.

Năm 1956, khi đang lúc quân Pháp đóng ở quần đảo Hoàng Sa đang rút lui, quân đội của chính quyền Sài Gòn chia kíp ra thay thế, Trung Quốc cho quân đi ra chiếm nhóm phía đông quần đảo Hoàng Sa, Đài Loan cho quân đi ra chiếm đảo Ba Bình trên quần đảo Trường Sa.

Ngày 20 tháng 2- 1959, Trung Quốc cho lính đi làm "ng dân" đi b lên các đảo Hữu Nhật, Duy Mạng và Quang Hòa hòng chiếm nốt nhóm đảo phía tây còn lại của quần đảo Hoàng Sa. Các đơn vị hải quân Sài Gòn đơn trú trên các đảo này đã kíp thời đi pho, bắt giữ 5 chiếc tàu và 82 người đi danh th đánh cá của Trung Quốc.

Tháng 1-1974, được sự đồng tình và làm ng của đế quốc M, khi đang lúc nhân dân Việt Nam đang phải tiếp trung vào sự nghiệp chống M, cứu nước, quân đội Sài Gòn đang mất tinh thần trước những thng lợi của cách mạng Việt Nam, Trung Quốc đã huy động một lực lượng hải quân, không quân quan trọng đánh chiếm nốt nhóm đảo phía tây của quần đảo Hoàng Sa.

Điều đáng lưu ý là trong hành động xâm chiếm này có sự câu kết giữa M và Trung Quốc. Ngày 2-2-1974, đội sự của chính quyền Sài Gòn tại M là Trần Kim Phụng đã báo cáo rằng: "Qua cuộc trao đổi với trợ lý ngoại trưởng Arthur Hummel, thành viên Hội đồng an ninh quốc gia của Nhà Trắng, thấy rõ là ngoại trưởng Kissinger chỉ coi cuộc tranh chấp về quần đảo Hoàng Sa như là một vấn đề ngoài lề, thậm chí là một điều bất lợi trong khung cảnh sự phải hợp với Trung Quốc để ngăn chặn Bắc Việt Nam". Vì thế khi đó Hm đi 7 của M đang ở trong Biện Đông đã nhận được nghiêm lệnh không được có bất cứ hành động can thiệp nào.

Từ đó đến nay Trung Quốc đã ra sức từng công xây dựng quần đảo Hoàng Sa thành một căn cứ quân sự liên hợp, có cầu cảng, sân bay để làm bàn đạp mở rộng xâm lược vùng quần đảo Trường Sa ở phía nam mà từ trước đến nay họ chưa bao giờ dứt được chân tay.

Ngày 30-7-1977, Ngoại trưởng Trung Quốc Hoàng Hoa tuyên bố: "Khi thời cơ đến chúng ta sẽ thu hồi toàn bộ quần đảo Nam Sa (tức quần đảo Trường Sa của Việt Nam) mà không cần phải thông qua bất cứ ai".

Chuẩn bị kế hoạch xâm chiếm quần đảo Trường Sa, từ năm 1981 Hải quân Trung Quốc đã đưa số chi huy hạm đội Nam Hải từ Quảng Châu xuống Trầm Giang, đồng thời xây dựng hàng loạt căn cứ ở Trầm Giang, Hải Khẩu, Dục Lâm, Bắc Hải và điều chỉnh phòng tuyến đảo biển đội nhất từ phía bắc xuống biển đông cho hạm đội Nam Hải. Họ cũng cho ném tàu chiến của hạm đội Bắc Hải thực hiện một chuyến thám dò trinh sát ở vịnh Bắc Bộ.

Năm 1983, họ lái cho hai tàu chiến lớn thực hiện một chuyến đi dài 6.000 hải lý tới các nam quần đảo Trường Sa để thám dò trinh sát, đồng thời liên tục cho các tàu đánh cá và trang xuống hoạt động ở vùng biển này.

Tháng 6-1984, Quốc hội Trung Quốc phê chuẩn việc thành lập khu hành chính trực thuộc tỉnh Quảng Đông bao gồm cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam.

Ngày 5-9-1987, Hội nghị Ủy ban Thượng vụ Quốc hội Trung Quốc đã thông qua đề nghị của Thủ tướng Triệu Tử Dương thành lập tỉnh Hải Nam là tỉnh thứ 30 của Trung Quốc và giao cho Quốc vụ viện chuẩn bị trình Quốc hội khóa VII phê chuẩn vào đầu năm 1988.

Từ Liên hợp báo, một tờ báo lớn của Đài Loan cho rằng hành động này có tầm quan trọng chiến lược ngang với việc Trung Quốc đưa quân vào Tây Tạng năm 1950 mà họ quả là đã đẩy đường biên giới phía tây nam của Trung Quốc tới phía dãy núi Himalaya.

Năm 1987, từ ngày 16-5 đến ngày 16-6 Trung Quốc tiến hành di tản tập thể quần đảo Trường Sa có sự tham gia của nhiều tàu chiến Hải quân Nam Hải; cuối tháng 6 lại tiếp tục một cuộc di tản tập thể biển có thủy quân lục chiến tham gia ở quần đảo Hoàng Sa với tình huống giả định có sự động cựa và khí hóa học. Khi đó dù luận phúng Tây đã bình luận rằng các cuộc di tản tập thể này có lẽ sẽ có những hậu quả rộng lớn khắp vùng Đông Nam Á. Tiếp đó, họ lại tiến hành hàng loạt cuộc di tản tập thể khác: tháng 7, di tản tập thể cướp cẩu trên biển. Tháng 9, không quân, hải quân di tản tập thể bắn phá các mục tiêu trên Biển Đông. Tháng 10 và 11, Hạm đội Nam Hải di tản tập thể thực binh trên biển dài ngày có nhiều loại tàu tham dự từ phía bắc xuống phía nam quần đảo Trường Sa. Đồng thời núp dưới danh nghĩa khảo sát khoa học, họ cho nhiều tàu đi thu thập tin tức tình báo ở các đảo phía nam quần đảo Trường Sa, cắm bia chủ quyền trên hòn đảo Luixa (mà họ gọi là đảo Nam Thông) ở phía nam quần đảo

Tr ng Sa, công b k t qu kh o sát nói là đã ti n hành xung quanh 200 hòn đ o san hô trên Bi n ông v i di n tích 82.000 km².

Th ng 2, h cho h th y chi c tàu ch máy bay tr c th ng đ u tiên c a h i quân Trung Qu c và t ch c di n t p hành quân đ o ng dài trên Bi n ông v i 70 l n chi c tàu thuy n tham gia, đ o ng th i thành l p các l oàn lính th y đánh b và chuy n l c l o ng này xu ng qu n đ o Hoàng Sa.

T c u i tháng 1- 1988, Trung Qu c đã đi u đ o ng nhi u tàu chi n xu ng qu n đ o Tr ng Sa và đã cho b n tàu trong đó có c tàu khu tr c mang tên l a c n tr và khiêu khích các tàu v n t i c a Vi t Nam đang làm nhi m v o vùng bi n thu c qu n đ o này. H đã t p trung o đây m t l c l o ng h i quân m nh g p nhi u l n l c l o ng ti n công qu n đ o Hoàng Sa n m 1974 và đ a l c l o ng quân s lên chi m trái phép hai bãi đá Ch Th p và Châu Viên là hai bãi san hô còn ch a n i h n lên trên m t n o c thu c qu n đ o Tr ng Sa. H cho tàu chi n đi s c s o, th m dò các đ o có quân đ i Vi t Nam đóng gi, đ quân lên m t s bãi đá khác trong c m đ o Nam Y t và Sinh T n c a ta. o c bi t nghiêm tr ng là ngày 14-3-1988, tàu chi n Trung Qu c có trang b pháo 100 ly và tên l a đã tr ng tr n ti n công b n cháy và b n chìm ba tàu v n t i c a Vi t Nam ho t đ o ng o khu v c đ o Sinh T n. Khi tàu c p c u c a Vi t Nam có treo c ch th p đ vào c p c u tàu b n n, tàu chi n Trung Qu c đã ng n c n vi c th c hi n công vi c nhân đ o này. H còn cho quân lên chi m thêm m t s bãi đá o khu v c c m đ o Sinh T n v i ý đ chi m đóng lâu dài. úng nh t báo

Ng o i h o ng đ n khoa h c đ o Kitô (M)

ngày 1 6-3-1988 đã nh n xét: "Các cu c thao di n h i quân c a Trung Qu c o Bi n ông đang h tr cho nh ng ý ki n kh ng đ nh c a nh ng ng o i lãnh đ o các n o c ông Nam á là B c Kinh có nh ng m c đích bá quy n o khu v c".

Cùng v i nh ng hành đ o ng nói trên, t nhi u n m nay, Trung Qu c đã tìm m i cách đ o ng nên các b o ng ch o ng, t o ra các lu n c đ c ch o ng minh r o ng, hai qu n đ o Hoàng Sa và Tr ng Sa là lãnh th Trung Qu c t th i k xa x a, h o ng giành l y s công nh n c a đ lu n qu c t đ i v i cái g i là "ch quy n" c a Trung Qu c đ i v i hai qu n đ o t r t lâu v n c a Vi t Nam. Tuy đã m t nhi u công s c nh ng nh o ng l p lu n c a h hoàn toàn không có giá tr, vì không có c s pháp lý.

Nh o ng t báo l n c a Trung Qu c nh *Nhân dân nh t báo, Quang Minh nh t báo, V n h i báo...* và v n ki n do B Ngo i giao

Trung Qu c công b ngày 30-1-1980 đã trích đ n nhi u cu n sách, nhi u t li u t các th k tr o c đ ch o ng minh cho quan đ i m c a h. Đ o i đây l y là m t s l p lu n chính mà h th o ng nh c đ nh c l i.

a. L p lu n v s “phát hi n t lâu c a nhân dân Trung qu c đ i v i hai qu n đ o Hoàng Sa và Tr ờng Sa

V n ki n c a B Ngo i giao Trung Qu c c ng nh nhi u sách báo khác th ờng trích đ n nh ng cu n sách nh *Nam Châu di v t chí, Phù Nam truy n* đ i Tam Qu c (220-265) đ c ch ng minh t lâu ng i Trung Qu c đã phát hi n ra "Tây Sa" và "Nam Sa". H nói: "T đ i Tây Hán, ờng Hán, Trung Qu c đã m đ ờng ra Nam H i, lúc đó g i là Tr ờng H i (?). i Tam Qu c phát hi n các bãi cát ng m g i là T Th ch i Nam H i, gây khó kh n cho tàu bè qua l i".

H l i đ n các sách *L nh ngo i đ a, Ch phiên chí...* đ ch ng minh: " i T ng, k thu t hàng h i phát tri n, đ a hình đáy bi n đ c hi u rõ thêm, các đ o Nam H i đ c chính th c đ t tên là Th ch ờng, Thiên Lý Tr ờng Sa, V n Lý Th ch ờng, C u Nh Sa Th ch, Th t Châu D ờng...". H nói: i Nguyên, đ o thuy n c a S B t đã đi qua nh ng đ o i Nam H i. i Minh, Tr nh Hoà trong b y l n qua các đ i đ ờng phía tây, đã ghi chép v nh ng đ o i Nam H i và v thành b n đ . Có nhi u sách h ờng đ n hàng h i nh *o di chí l c, ờng Tây đ ờng kh o, Ch nam chính pháp. . .* ghi chép t m tình hình vùng bi n đ o i Nam H i. i nhà Thanh, nh ng b n đ và sách v ghi chép v các đ o i Nam H i có nhi u h n n a nh *ờng D ờng, Nam D ờng h i đ o đ , H i qu c ki n v n l c, S Tây ký trình. . ."*

Nh ng sách đ c trích đ n k trên ph n l n là các sách ghi chép nh ng hi u bi t c a ng i Trung Qu c đ ờng th i v đ a lý, l ch s, phong t c... c a các n c ngoài nh: chuy n v n c B Nam (*Phù Nam truy n*), v các n c phiên thu c (*Ch phiên chí*) v nh ng đ i u tai nghe m t th y i các n c ngoài bi n

(*H i qu c ki n v n l c*)

, các đ t n c bên ngoài lãnh th Trung Qu c

(*L nh ngo i đ a*)

. M t s sách khác là bút ký ghi l i hành trình c a m t vài nhân v t Trung Qu c đi ra n c ngoài nh S B t, Tr nh Hoà

(*S B t truy n, V b chí*)

, Chuy n Quách Tùng B o đi s sang n c Anh nh

Doanh hoàn chí l c,

sách h ờng đ n hàng h i ho c đ a lý hàng h i nh

ờng Tây đ ờng kh o, Ch nam chính pháp, ờng D ờng, Nam D ờng h i đ o đ

v.v..

Nội dung được trích dẫn từ các sách đó nói chung chỉ là sự miêu tả địa lý vùng biên, dựa vào những điểm các tác giả nhận biết được trên đường hàng hải từ Trung Quốc đi ra ngoài: "ở về hướng đông bắc, có những dãy núi rất lớn, lô nhô, đi ra Trường Hải nước nông phía phải, có nhiều từ thịch..." hoặc "trong biển đó có vài những chỗ nguy hiểm gọi là thịch sàng" hoặc "qua Thập Châu Đông, Văn Lý Thịch Đông là biên giới giữa đất Giao Chỉ và Chiêm Thành v.v..

Trong các đoạn trích dẫn đó không có một câu nào nói lên được mối quan hệ về địa lý hành chính giữa các quần đảo nói trên với lãnh thổ Trung Quốc, cũng không có một câu nào nhắc đến chủ quyền của Trung Quốc đối với các quần đảo này.

Ví dụ trong cuốn *Chiên chí* của Triệu Nhữ Quát đời Tống có đoạn viết: "Phía đông là Thiên Lý Trường Sa, Văn Lý Thịch Sàng, mênh mông vô bờ, trải nước một màu. Các thuyền qua lại chèo dùa vào kim chùy nam, ngày đêm phải chú ý cẩn thận, chệch sai một chút xíu là đã quan hải đến vịnh đồ sộ chực chờ". Vậy trong đoạn văn này ý nào của Triệu Nhữ Quát nói lên Thiên Lý Trường Sa, Văn Lý Thịch Sàng là đất Trung Quốc?

Còn những tên gọi mà Trung Quốc cho là các sách nói trên đã "đặt" cho hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa dù có đúng hay không hai quần đảo này đi chung nhau, thì cũng chỉ là những tên mà người Trung Quốc thời xưa dùng để mô tả địa lý nước ngoài hoặc đường hàng hải ở Biển Đông. Tên gọi mỗi đời, mỗi sách một khác. Người Hán gọi là Tả Thịch. Người Tống lúc gọi là Cửu Nhữ Loa Thịch, lúc gọi là Thập Châu Đông, lúc gọi là Văn Lý Thịch Đông. Người Minh - Thanh khi thì viết Cửu Nhữ Loa Châu, khi lại viết Thịch Tinh Thịch Đông hoặc Văn Sinh Thịch Đông. Họ là người trước đi qua trông thấy đặt một cái tên, người sau đi qua lại đặt một tên khác. Những cái tên nào cho quần đảo Hoàng Sa, tên nào cho quần đảo Trường Sa? Lý gì để chúng mình đó đúng là tên gọi những quần đảo này vào thời đời ấy? Nên những địa danh ấy hoàn toàn không có cơ sở và giá trị pháp lý để chúng mình hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của Trung Quốc.

Trong văn kiện ngày 30- 10- 1980, Bộ Ngoại giao Trung Quốc tìm cách giải thích: "Văn Chấn (Nam châu đồ viết chữ đời Hán khi nói về hành trình đi biển từ bán đảo Mã Lai đến lục địa Trung Quốc đã viết là "ra Trường Hải, còn những nhiều từ thịch. Trường Hải tức Nam Hải ngày nay. Nói "từ thịch" là đó bao gồm quần đảo Tây Sa và Nam

Sa lúc đó cát ch a nhú lên m t n c, cát ng m, tàu thuy n ch m đ n là m c c n khó mà ra đ c, đó g i là "t th ch".

Nam châu d v t chí

ch nói "nhi u t th ch". V y t i sao có th suy di n v k t lu n r ng ' nói t th ch đ đó bao g m qu n đ o Tây Sa và Nam Sa"?

C ng c n nói là hàng lo t tên mà các sách c c a Trung Qu c đ a ra, đ n nay v n còn là v n đ ph i nghiên c u, không th ch quan gán ghép tên này là ch "Tây Sa", tên kia ch "Nam Sa". Ví đ trong cu n sách *Ánh giá l i Mã Hoan*, hai tác gi Min và Duyv ng đ t cho r ng "Th ch c c ng" l bãi ng m Macclesfield (Trung Qu c g i là Trung Sa). Nh ng Grønn ven, ng i d ch

S B t truy n

l i cho r ng "V n Lý Th ch c c ng" m i là bãi ng m Macclesfield. Ngay m t s ñ nhà nghiên c u Trung Qu c c ng có ý ki n khác v i ý ki n

c a B Ngo i giao Trung Qu c. Trong cu n

L ng ch ng h i đ o chân kinh

do Trung Hoa th c c x t b n n m 1961

, có câu chú thích: "Khó tin r ng V n Lý Th ch c c ng là ph n phía nam c a qu n đ o Tây Sa... V n Lý Tr ng Sa ph i là ph n phía b c c a qu n đ o Tây Sa". Nh v y, theo sách này V n Lý Th ch c c ng không ph i là Tr ng Sa, c ng không ph i là Trung Sa và V n Lý Tr ng Sa l i là qu n đ o "Tây Sa" (t c Hoàng Sa c a Vi t Nam).

Nh ng ví đ trên cho th y l p lu n c a Trung Qu c v vi c h "phát hi n t lâu" hai qu n đ o Hoàng Sa và Tr ng Sa là hoàn toàn không có c s th c t và pháp lý.

b. L p lu n v s "không ng ng c n c ù khai thác" c a nhân dân Trung Qu c đ i v i hai qu n đ o

Trong bài *T th i c x a, nh ng hòn đ o Nam H i là lãnh th n c ta* đ ng trên t Quang Minh

nh t báo

(24-11-1975) và

Nhân dân nh t báo

(25-11-1975) tác gi S c T vi t: "T th i c x a, trong th c ti n đi l i và s n xu t lâu đ i Nam H i, nhân dân n c ta đã đ u tiên phát hi n ra nh ng hòn đ o này, không ng ng c n c ù khai phá và kinh doanh, l n đ u

tiên tiến hành công việc cai quản và thực hiện chế độ quân, do đó làm cho những hòn đảo, đầm đá và cồn cát này trở thành một bộ phận của lãnh thổ nước ta". Các nhà nghiên cứu Trung Quốc đã trích dẫn một đoạn nói là trong sách *Quân đài ngoạ ký*

Đi Minh: "Mới khi bão thổi tới, thủy triều dâng lên d d, hu ho nhà

ca, vùi ngập ruồng đt..." đó không đúng là "ngay từ cuối thế kỷ XV sang đầu thế kỷ XVI, nhân dân đảo H Nam đã ra đnh c ngày càng nhiều, xây nhà, làm ruộng, trồng cây, sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi gia cầm...".

Trong văn kiện ngày 30-1-1980, Bộ Ngoại giao Trung Quốc cũng công nhận rằng người dân Trung Quốc từ lâu đã khai thác "Tây Sa" và "Nam Sa" bằng những lối chung chung như "từ đời Hán Vũ đế trước công lịch hai thế kỷ, nhân dân Trung Quốc đã bắt đầu đi lại trên "biển Nam", "đã khám phá mọi khó khăn, lập đ đ hai quần đảo này cùng khai thác, làm n", "người dân Trung Quốc muộn nhất cũng đã bắt đầu sinh sống và hoạt động sản xuất như đánh cá chng h, trên hai quần đảo Tây Sa và Nam Sa từ đời Tống, đời Nguyên".

Trong nhiều tài liệu, Trung Quốc công bố đã đào đ đ trên một vài hòn đảo ở quần đảo Hoàng Sa bằng đ s, đ sành, như l sành men đ đ, bát s l men xanh, l s men xanh đời Bắc Tống và những dụng cụ sinh hoạt như dao s, n s, x chim... một số tiến đ đ nhà Tống, nhà Nguyên, Bắc Tống... và kết luận: "Tất cả những thứ đó bày ra trước mắt chúng ta một bức tranh sinh động về việc nhân dân Trung Quốc thời kỳ Nguyên, Tống đã khai phá, sinh sống, làm n trên những đảo ở Nam Hải liên tục cho đến nay chưa hề khi nào gián đ đ".

Với tất cả những bằng chứng công bố ra đó, các nhà nghiên cứu Trung Quốc nhiều nhất cũng chỉ có thể công nhận đ đ rằng người dân Trung Quốc đã từng đ đ đây đánh cá cùng với người dân của nhiều nước khác, chỉ không có công đ đ không đ đ rằng người Trung Quốc "đ đ đây s m nh" và "ch chỉ có h" đ đ đây mà thôi. Hơn nữa việc người dân Trung Quốc có đ đ "Tây Sa" và "Nam Sa" đâu phải là một bằng chứng pháp lý đ chng minh "Tây Sa" và "Nam Sa" là lãnh thổ của Trung Quốc.

Từ xưa đến nay đã có biết bao nhiêu người của nhiều nước đã từng qua lại Biển Đông. Từ thời xa xưa ngoài người Việt Nam, còn có người Ấn Độ, người Ba Tư, người Bồ đã qua lại vùng biển này và từ thế kỷ XIV-XV còn có người Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan, Anh, Pháp... đâu phải chỉ có người Trung Quốc là

đã đi lại, làm nên và "phát hiện" các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Việc người dân nước này sang làm nên sinh sống trên lãnh thổ một nước khác vốn là một điều bình thường và phổ biến trong quan hệ quốc tế. Những kiều dân đó dù đông mấy cũng không thể làm thay đổi chủ quyền của nước sở tại. Luật pháp quốc tế không coi thành phần dân cư là một tiêu chuẩn để xác định chủ quyền lãnh thổ: Vì vậy việc dân Trung Quốc đã có lúc qua lại, làm nên sinh sống trên các hòn đảo ở biển Nam, cho dù là có thật, thì cũng không thể biện minh gì cho việc chủ quyền của Trung Quốc đối với những hòn đảo đó.

Việc tìm thấy vài đồng tiền cổ, vài mảnh bát vỡ trên quần đảo Hoàng Sa cũng không thể là bằng chứng để khẳng định chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo. Xưa nay việc giao lưu, thông thương giữa các nước là chuyện bình thường. Các nhà khảo cổ đã từng đưa lên khiêng lòng đất của đất nước họ những di vật của các nước khác. Những đồng tiền cổ, đồng dùng bằng bạc nạm vàng, đồng đất của Vương quốc Ba Tư cũ đối đã được phát hiện khá nhiều trên đất Trung Quốc. Trùng đồng ông Sơn của Việt Nam cũng đã tìm thấy ở 130 địa điểm trên đất nước Trung Quốc: Tiền cổ Tây Ban Nha, tiền La Mã thế kỷ II cũng đã được tìm thấy ở Việt Nam. Những những điều đó không làm thay đổi được chủ quyền lãnh thổ của Trung Quốc trên đất nước Trung Quốc, cũng như chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam trên đất nước Việt Nam. Vì thế xưa nay khảo cổ học không hề đóng một vai trò gì về mặt pháp lý trong việc khẳng định hoặc phủ định chủ quyền của một quốc gia đối với một vùng lãnh thổ.

Lập luận của Trung Quốc về sự "không ngừng cần cù khai thác" là hoàn toàn không có căn cứ và giá trị pháp lý.

c. Lập luận về "sự cai quản" của các triều đại Trung Quốc đối với hai quần đảo

Trong tất cả các lập luận được đưa ra, đối với Trung Quốc điểm mấu chốt là làm sao chứng minh nhà nước Trung Quốc đã chiếm hữu hai quần đảo "Tây Sa" và "Nam Sa" thế bao giờ và đã cai quản hai quần đảo có như thế nào?

Đây là một điểm yếu nhất đã làm cho các nhà nghiên cứu Trung Quốc đau đầu và cũng chính ở điểm này họ tỏ ra lúng túng, gượng gạo nhất và đã phải dùng nhiều thủ pháp cắt xét, gán ghép để liúu mặt cách liúu nhất để đất nước mình đích của

h.

Vn kin c a B Ngo i giao Trung Qu c ngày 30-1-1980 vi t: "Chnh ph c các tri u đ i Trung Qu c đã th c hi n vi c cai qu n đ i v i hai qu n đ o này". Ch ng minh h đ a ra m t s s kin có ý ngh a đ i n hình cho su t c m t th i k dài t th k XI đ n th k XX, trong đó có m y s kin đ c nh n m nh nhi u nh t.

S kin th nh t mà vn kin đ a ra nói là trích đ n trong cu n *V kinh t ng y u* vi t đ i Nhân Tông B c T ng (1023-1064): "Tri u đ i n B c T ng (t n m 960 đ n 1127) lnh cho quân nhà vua đi tr n gi , đ t dinh lu tu n bi n Qu ng Nam (t c Qu ng ô ng ngày nay). Chi n h m ra bi n đi t n Môn S n, dùng gió đ ng, h ng tây nam b y ngày thì đ n C u Nh Loa Châu. i u đó ch ng t qu n đ o Tây Sa đã thu c ph m vi cai qu n c a đ i B c T ng. Vì v y đã c chi n h m đi tu n n i này".

Th c ra trong *V kinh t ng y u* đ o n này d ch theo nguyên vn nh sau: "Lnh cho quân nhà vua đi tr n gi , đ t dinh lu th y quân tu n bi n hai c a bi n phía đ ng và phía tây r ng 280 tr ng, cách n Môn S n 200 d m đ ng tàu chi n đ ao ng".

"T n Môn S n dùng gió đ ng đi v h ng tây nam b y ngày thì đ n C u Nh Loa Châu, đi ba ngày n a đ n B t Lao S n (thu c đ a gi i n c Hoàn Châu l i đi ba ngày n a đ n L ng S n ô ng có n c ng t. i n a v phía tây nam là các n c i Th c Ph t, S T, Thiên Trúc không th tính đ c hành trình".

Theo nguyên vn đ o n trích trên đây c a cu n *V Kinh t ng y u* thì đ o n trên ghi chép s kin vua T ng Nhân Tông ra lnh đ t dinh lu th y quân tu n bi n hai bên c a sông Châu Giang thu c Qu ng Châu, Trung Qu c. o n đ i mô t hành trình đi bi n t c a bi n Qu ng Châu qua Bi n ô ng sang n D ng. Hoàn toàn không ph i là nói th y quân Trung Qu c đi tu n tra đ n vùng

qu n đ o "Tây Sa", không có ý nào kh ng đ nh "C u Nh Loa Châu (mà vn kin nói trên chú thích là qu n đ o "Tây Sa") là thu c v Trung Qu c.

S kin th hai x y ra sau s kin th nh t kho ng 300 n m, đ c vn kin nói trên

c a B Ngo i giao Trung Qu c đ n đ t nh sau: " i Nguyên n m th nh t ti n hành đ đ c thiên v n 27 n i trong n c, đ i Nguyên n m th 16 (n m 1279) nguyên Th t H t T t Li t đích thân sai i ng Tri thái s vi n s Quách Th Kính, nhà thiên v n n i ti ng, đ n bi n Nam H i ti n hành đ đ c. K t qu đ đ c cho th y Nam H i v trí v tuyền 15^o B c. i m thiên v n Nam H i chính là i qu n đ o Tây Sa ngày nay. i u đó nói rõ qu n đ o Tây Sa th i Nguyên đã n m trong biên thu Trung Qu c".

Trong *Nguyên s*, b s chính th c c a nhà Nguyên, s ki n đ đ c thiên v n nói trên đ đ c ghi chép nh sau: "Vi c đ bóng m t tr i b n bi n i 27 n i. Phía đ ng t i Cao Ly, phía tây t i i n Tr i, phía nam qua Chu Nh ai, phía b c t i Thi t L c". Đ i đ u đ "đ đ c b n bi n" Nguyên s chép rõ tên 27 n i đ đ c trong đó có Cao Ly, Thi t L c, B c H i, Nam H i.

i chi u v i nguyên b n, ta th y vi c đ đ c thiên v n i 27 n i nói trên không ph i là *trong n c* nh v n ki n c a B Ngo i giao Trung Qu c kh ng đ nh, mà là đ đ c b n bi n nên m i có nh ng đ a đ i m n m ngoài biên gi i ngày nay c a Trung Qu c nh: Cao Ly nay là Tri u Tiên, Thi t L c nay thu c vùng Xibia (Liên bang Nga), B c H i nay là vùng bi n phía b c Xibia, Nam H i t c Bi n ô ng. Và dù cho đ a đ i m đ đ c i Nam H i có n m trên qu n đ o

"Tây Sa" th t thì đ i u đó c ng không có ngh a là "Tây Sa" n m trong "c ng v c Trung Qu c đ i Nguyên". Chính
Nguyên s
(ph n đ a lý chí)

c ng đã nói rõ "c ng v c" Trung Qu c đ i Nguyên phía nam ch đ n Chu Nh ai (t c đ o H i Nam ngày nay), phía b c không quá sa m c Gô bi, và trong toàn b tác ph m không có m t câu nào nói đ n c "Tây Sa" i n "Nam Sa".

S ki n th ba x y ra sau s ki n th hai h n 430 n m mà các nhà nghiên c u Trung Qu c c soi tìm trong l ch s m i th y đ đ a vào v n ki n c a B Ngo i giao Trung Qu c ngày 30-1-1980: "T n m 1710 đ n n m 1712, đ i Khang Hy nhà Thanh t n m 49 đ n n m 51, phó t ng th y s Qu ng ô ng Ngô Th ng t ng th ng l nh th y quân đi tu n bi n t Qu nh Nh ai, qua i ng C, qua Th t Châu Đ ng, T Canh Sa, vòng quanh ba ngàn d m, đích thân đi tu n tra xem xét. G i Th t Châu Đ ng i đây t c vùng bi n Tây Sa ngày nay. Lúc b y gi do h i quân Qu ng ô ng ph trách đi tu n".

Chúng ta hãy xem các địa điểm nêu trong đồ án nói trên là gì đâu?

Theo Trung văn địa điểm xuất bản của Đài Loan năm 1963, Quận Nhai tức "đảo bình bắc Quận Nhai" địa điểm, là số 1 phía bắc đảo Hài Nam tại Quận Sơn, gần thị trấn Hải Khu ngày nay.

Trong Trung Quốc tân địa điểm in ở Thượng Hải năm 1917, Công Cảnh là một đồng bắc đảo Hài Nam, T Cảnh Sa là bãi cát phía tây đảo Hài Nam. Còn "Thị Châu Đông" được Bộ Ngoại giao Trung Quốc ghi chú là "Tây Sa ngày nay" thì là gì đâu?

Trong Quận Châu chí năm Khang Hy thứ 15 (năm 1676) đồ án nói về đảo Hài Nam viết: "Núi Thị Châu Đông ở cách phía đông huyện hơn 100 dặm, trong biển có bảy ngọn núi đứng liền nhau, kề nhau với núi Công Cảnh, đều có cửa đá". Như vậy Thị Châu Đông là vùng có bảy hòn đảo nhỏ ở phía đông đảo Hài Nam.

Trong minh họa số 5012 của Hải quân Trung Quốc in năm 1965 tỷ lệ 1/500000 mang tên "Bán đảo Lôi Châu và đảo, Hài Nam, hiện còn lưu ở Hải quân Nhân dân Việt Nam ghi chú bằng hai thị trấn Việt Nam và Trung Quốc, ở phía đông bắc đảo Hài Nam có một nhóm đảo ghi tên quần đảo Thị Châu, giữa quần đảo Thị Châu và biển đảo Hài Nam có ba chổ Thị Châu Đông được viết bằng hai thị trấn, thị trấn Trung Quốc in màu đen, thị trấn Việt in màu đỏ.

Trong bản đồ Nam Hải địa hình tỷ lệ 1/3000000 do S nghiên cứu hải dương Nam Hải thuộc Viện Khoa học Trung Quốc chế biên, của địa xuất bản xã xuất bản lần thứ nhất tháng 5-1984, ở phía đông bắc đảo Hài Nam có một nhóm đảo ghi tên Thị Châu liệt đảo, giữa quần đảo Thị Châu và biển đảo Hài Nam có ba chổ Thị Châu Đông và ngay dưới đó có ghi Công Cảnh (Mũi Công Cảnh).

Như vậy tất cả các địa danh được nêu trong văn kiện của Bộ Ngoại giao Trung Quốc đều nằm xung quanh đảo Hài Nam. Cuộc tuần biển của phó tổng thống Ngô Thọ chỉ diễn ra quanh đảo Hài Nam đã bị xuyên tạc thành cuộc tuần biển ở "vùng biển quần đảo Tây Sa" và "Thị Châu Đông" là nhóm đảo sát ngay bên biển phía đông bắc đảo Hài Nam lại biến thành "vùng biển Tây Sa".

So sánh các đoạn trích dẫn trong văn kiện của Bộ Ngoại giao Trung Quốc với nguyên bản các tác phẩm do chính văn kiện này nêu ra, có thể dễ dàng thấy rõ cả ba sự kiện nói trên đều không liên quan gì đến quần đảo "Tây Sa", không có điếu nào nói lên quần đảo "Tây Sa" là của Trung Quốc, mà chỉ có sự suy diễn của những người viết ra văn kiện đó mà thôi.

Lúc lại đóng tài liệu của nhiệm vụ tiếp đó, các nhà nghiên cứu cũng chỉ đưa ra thêm một chuyện "năm 1909 Lý Chuân dẫn hơn 170 lính thủy đi trên máy chiếc tàu tuấn tiêu như thi sát vùng biển quần đảo Tây Sa, bắn pháo, treo cờ, lập lại chủ quyền trên đảo Vĩnh Hưng" và chuyện "chính quyền tỉnh Quảng Đông tháng 5-1928 lập đội điếu tra quân chính và các nhà khoa học đi quân hàm đến quần đảo Tây Sa điếu tra lại chủ quyền và làm báo cáo tổng kết".

Theo luật pháp quốc tế, việc tuấn tra, thám chí cả việc chiếm cả bằng hành động chiếm tranh hoặc bằng phương tiện quân sự cũng không thể đem lại chủ quyền lãnh thổ, huống chi một cuộc đổ bộ chớp nhoáng, lên lút của Lý Chuân lên một vài hòn đảo trong vòng một ngày đêm rồi về và rút lui. Đó chỉ là một hành động bất hợp pháp, vì khi đó quần đảo Hoàng Sa đã là bộ phận lãnh thổ hợp pháp của Việt Nam ít ra cũng từ một trăm năm trước, không còn là đất vô chủ nữa.

Trong suốt cả lịch sử gần 2.000 năm, chỉ tìm ra một số có một dấn chứng mà họ và xuyên tác về "sự cai quản" của các triều đại Trung Quốc thì thật là quá nghèo nàn, ít ỏi!

Lập luận về "sự cai quản" của Trung Quốc đối với hai quần đảo là không có cơ sở thực tế và không phù hợp với luật pháp và tập quán quốc tế.

d. Lập luận về "sự tiếp nhận hai quần đảo tay quân đội Nhật Bản"

Ngày 15-8-1951, Trúng Quốc tuyên bố: "Mặc dù những đảo này (tức quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa) đã có lúc bị Nhật Bản chiếm đóng một thời gian do lực lượng Nhật Bản gây ra, sau khi Nhật đầu hàng, Chính phủ Trung Hoa đã thu

hội nhưng đó".

Trước hết, trong lịch sử, hai quần đảo này chưa bao giờ thuộc về Trung Quốc nên không thể có cái gọi là Trung Quốc "thu hồi" hay "tiếp nhận" hai quần đảo này từ tay quân đội Nhật.

Một năm trước khi nổ ra cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai, Nhật Bản đã chiếm quần đảo Hoàng Sa từ tay quân Pháp, mở đầu để khai thác những thế lực ra để thực hiện âm mưu lập căn cứ chiến lược làm bàn đạp tiến công vùng Đông Nam Á. Cuối tháng 3-1939, Nhật Bản thông báo quy định phân định quần đảo Trường Sa (lúc này vẫn do Pháp đóng quân) dưới quyền kiểm soát của Nhật Bản, và suốt cả thời gian chiến tranh, Nhật Bản đã đóng quân trên hai quần đảo này cho tới khi đầu hàng Đồng minh.

Trong Tuyên cáo Cairo (Ai Cập) ngày 27-11-1943 do Tổng thống Mỹ Roosevelt, Thủ tướng Anh Churchill và Tổng thống Giỏi Thạch cùng ký chung nói: "Tất cả các lãnh thổ mà Nhật Bản cướp của Trung Quốc như Mãn Châu, Đài Loan và Bành Hồ phải được trả lại cho Trung Hoa dân quốc". Nếu hai quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa thực là của Trung Quốc và bị Nhật chiếm đoạt thì trong lúc chúng có đội diện Trung Quốc tham gia cuộc họp, Pháp và Việt Nam đều không có mặt để báo về chủ quyền của mình thì có thời cơ nào tốt hơn để Trung Quốc đưa ra yêu cầu giao trả hai quần đảo đó cho mình? Thế nhưng bản Tuyên cáo Cairo đã không hề nhắc đến quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong số những đảo mà Nhật phải trả lại cho Trung Quốc.

Hội nghị những người đứng đầu ba nước lớn (Mỹ, Anh, Trung Quốc) tại Potsdam tháng 7-1945 cũng khẳng định: "Các điều khoản của bản Tuyên cáo Cairo sẽ được thi hành" tức là vẫn không đề cập gì đến cái gọi là "chủ quyền" của Trung Quốc đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Hội nghị Potsdam cùng thời thu nhận lấy về quyền 16⁰ Bắc để làm chuẩn để chia Đông Dương ra làm hai khu vực giới pháp quân đội Nhật, phía bắc giao cho quân đội Tổng thống Giỏi Thạch, phía nam do liên quân Anh - Mỹ thực hiện. Quần đảo Hoàng Sa thuộc về đảo 15

45' đảo 17

15' nên giao cho quân đội Tổng thống Giỏi Thạch, còn quần đảo Trường Sa thuộc về đảo 12

tr xung nên giao cho liên quân Anh - n.

Trong Hòa c San Francisco ký ngày 8-9-1951 có Ch ng II v v n đ lnh th,
i u 2 c a ch ng này có 6 đ m, m i đ m đ c p đ n ngh a v c a Nh t B n đ i
v i m t qu c gia ho c m t khu v c.

i m a): nói v n n đ c l p c a Tri u Tiên.

i m b): nói v đ o ài Loan và qu n đ o Bành H

i m c): nói v qu n đ o Curin, bán đ o Xakhalin.

i m d): nói v ch đ y tr c a H i Qu c liên.

i m e): nói v vùng Nam C c.

i m f): nói v qu n đ o Hoàng Sa và qu n đ o Tr ng Sa.

Nguyên v n đ m 2 (b) nh sau: "Nh t B n t b m i quy n, danh ngh a và yêu sách đ i v i đ o ài Loan (Formosa) và qu n đ o Bành H (Pescadores).

i m 2 (f): "Nh t B n t b m i quy n, danh ngh a và yêu sách đ i v i qu n đ o Tr ng Sa (Spratly Islands) và qu n đ o Hoàng Sa (Paracels Islands).

Rõ ràng đ m 2 (b) nói v các đ o c a Trung Qu c, đ m 2 (f) nói v các đ o c a Vi t Nam. Trong H i ngh có ý ki n đ ngh đ a đ m 2 (f) vào đ m 2 (b) nh ng đã

b g t kh i ch ng tr ình nghi s v i 46 phi u thu n, 3 phi u ch ng và 1 phi u tr ng. ý đ g p qu n đ o Ho àng Sa và qu n đ o Tr ùng Sa và các đ o c a Trung Qu c đã b b c b . C ng t i H i nghi San Francisco, ngày 7-9-1951, khi Th t ùng Tr n V n H u, tr ùng đ oàn đ i bi u chính ph B o i, tuyên b kh ng đ nh ch quy n c a Vi t Nam đ i v i hai qu n đ o thì không m t n c nào trong s 51 n c đ H i nghi lên ti ng ph n đ i ho c b o l u.

Qua đó ta th y, t Tuyên cáo Cairô, H i nghi P t x đ am đ n Hòa c San Francisco, không có v n b n nào đ c p đ n v n đ trao tr cho Trung Qu c hai qu n đ o Ho àng Sa và Tr ùng Sa mà Nh t B n chi m đ o t t tr c Chi n tranh th gi i l n th hai. i u này ch ng t đ i bi u các n c đ các h i nghi đó không ai cho r ng qu n đ o này thu c l ãnh th Trung Qu c.

Vi c quân đ i T ùng Gi i Th ch c ng nh li n quân Anh - n vào Vi t Nam gi i giáp quân đ i Nh t ch là làm nhi m. v ti p nh n s đ u hàng c a phát xít Nh t theo quy t đ nh c a H i ngh P t x đ am ch tuy t nhiên không có li n quan gì đ n v n đ ch quy n l ãnh th. Trên đ t li n, quân đ i Trung Qu c p h i b c, li n quân Anh - n p h i nam v tuy n 16 vào gi i giáp quân đ i Nh t nh ng ch quy n đ t n c v n n m trong tay nhân dân Vi t Nam, thì trên các qu n đ o Ho àng Sa và Tr ùng Sa c ng v y.

L p lu n Trung Qu c đã "thu h i" nh ng đ o này t tay quân đ i Nh t là không đ ng s th t và không có c s pháp lý.

e. L p lu n v "ch quy n c a Trung Qu c đ i v i hai qu n đ o đã đ c công nh n trong các sách báo và b n đ c a m t s n c"

V n b n c a B Ngo i giao B c Kinh đã vi n đ n m t vài b n đ c a m t vài n c trong nh ng n m g n đây (t t c đ u in sau n m 1945) có ghi "Tây Sa" và "Nam Sa" đ ch ng minh r ng ch quy n đ i v i hai qu n đ o này thu c v Trung Qu c.

L p lu n và nh ng b n đ đ c vi n đ n đ u in sau khi Trung Qu c nh y vào cu c tranh ch p. Nh ng b n đ đó có th đ a vào nh ng ngu n thông tin sai l c do Trung Qu c c tình đ a ra ho c c ng có th ch sao chép m t cách không có ý th c

những bản đồ do Trung Quốc xuất bản. Vì vậy, có thể hiểu được tại sao trên mặt vài tấm bản đồ nước ngoài nào đó đã có sự thay đổi sai lệch mà Trung Quốc đã lợi dụng để chứng minh "chủ quyền" của họ đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Trung Quốc còn vẽ trên mặt tấm bản đồ và mặt cuốn sách giáo khoa lớp 9 của Việt Nam trước đây đã dùng tên Tây Sa và Nam Sa do Trung Quốc đặt ra, để nói rằng Việt Nam đã chấp nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo.

Phi chứng, theo quan điểm của Trung Quốc, một tác giả hoặc một tập thể tác giả của nước này hay nước khác, khi biên vẽ bản đồ, khi biên soạn sách, chỉ bằng nét vẽ hay lời văn, hầu ý hoặc vô tình, do thông tin sai lệch hay do thiếu kiến thức, liệu có thể có thẩm quyền chuyển một bộ phận lãnh thổ của nước này sang cho nước khác?.

Trong thực tiễn, luật pháp và tập quán quốc tế không thừa nhận những tài liệu, bản đồ không chính thức là bằng chứng có ý nghĩa quyết định trong việc xác định chủ quyền lãnh thổ. Ai cũng biết rằng khi có sự tranh chấp, mỗi bên đều tìm cách vẽ trên các tài liệu, bản đồ có lợi cho mình, trong đó có thể có những thông tin sai lệch, hay tạo dựng có dụng ý. Cho nên chỉ có các văn kiện, bản đồ đã được ghi trong các hiệp ước quốc tế hoặc đã được các bên có liên quan ký kết thừa nhận mới có đầy đủ giá trị Pháp lý trong những vấn đề có liên quan tới chủ quyền lãnh thổ.

Trong phán quyết về vụ tranh chấp đảo Palmas giữa Mỹ và Hà Lan, trọng tài quốc tế đã biểu thị quan điểm "coi các bản đồ là những chứng cứ gián tiếp", "chỉ với một thái độ cực kỳ thận trọng mới có thể tính đến việc dùng các bản đồ để giải quyết một vấn đề về chủ quyền lãnh thổ", và "khi mà trọng tài biết chắc chắn rằng có những sự kiện pháp lý có tính chất quyết định mâu thuẫn với những nội dung không đúng của những người vẽ bản đồ mà ta không rõ lấy nguồn thông tin ở đâu, thì hoàn toàn có thể bỏ qua giá trị của bản đồ dù cho nó có nhiều và được đánh giá cao đến đâu chăng nữa". [1](#)

f. Vụ tuyên bố việc "Việt Nam lặt lảng với Trung Quốc"

Vn kin ngày 30-1-1980 c a B Ngo i giao Trung Qu c tuyên b r ng tr c kia, Chính ph Vi t Nam Dân ch C ng hoà đã “công nh n” các qu n đ o Hoàng Sa và Tr ng Sa là c a Trung Qu c, nay i i ph nh n đ i u đó. H d n ra m y vi c trong đó có Công hàm ngày 14-9-1958 và Tuyên b ngày 9-5-1965 c a Chính ph Vi t Nam.

M i ng i còn nh vào nh ng n m đó, C ng hoà nhân dân Trung Hoa ch a đ c nh n vào Liên h p qu c, tàu chi n c a ài Loan luôn luôn vào qu y phá đ t li n, tàu chi n M th ng thâm nh p vùng bi n Trung Qu c, m c dù Trung Qu c đã lên ti ng c nh báo hàng tr m l n. Trong b i c nh y, Trung Qu c đ a ra tuyên b v quy đ nh lãnh h i, nh ng tuyên b này ch a đ c nhi u n c chú ý t i. V i nhi t tình ng h s nghi p Cách m ng chính đ áng c a nhân dân Trung Qu c, v i thái đ h u ngh , thi n chí và tôn tr ng quy đ nh c a m t n c láng gi ng anh em, ngày 14-9-1958 Th t ng Chính ph Vi t Nam đã g i Chính ph Trung Qu c m t công hàm toàn v n nh ph n 2.

N m 1965, khi đ a quân vi n chinh tr c ti p xâm l c mi n Nam Vi t Nam, M tuyên b khu v c chi n đ u c a l c l ng v trang M bao g m Vi t Nam và vùng n c k c n cách b bi n Vi t Nam kho ng 10 h i lý. Lúc y nhân dân Vi t Nam ph i dùng m i hình th c đ u tranh, cô l p k thù, tranh th b n đ ng minh, t n đ ng m i s giúp đ qu c t đ đánh th ng cu c chi n tranh xâm l c c k tàn b o c a đ qu c M. Tuyên b ngày 9-5-1965 c a Chính ph Vi t Nam ch có ý ng a trong b i c nh l ch s đó.

C ng c n nói rõ thêm là n m 1965 khi chính quy n Johnson quy đ nh khu v c chi n đ u c a l c l ng v trang M bao g m c khu v c qu n đ o Hoàng Sa, Trung Qu c không h có ph n ng gì, m c nhiên coi đây là vi c riêng gi a Vi t Nam và M, không liên quan gì đ n Trung Qu c. Thái đ này gi ng nh thái đ c a tri u đình Mãn Thanh trong nh ng n m 1895- 1896 khi đáp l i s ph n kháng c a Anh trong s kin tàu Bellona và tàu Imezi Maru đã nói ở trên.

g. M t lu n đ i u m i: “Hoàng Sa và Tr ng Sa c a Vi t Nam không ph i “Tây Sa” và “Nam Sa” c a Trung Qu c.

Vn kin ngày 30-1 -1980 c a B Ngo i giao Trung Qu c k t thúc b ng m t s kh ng đ nh b t ng đ n k c c: qu n đ o Hoàng Sa và qu n đ o Tr ng Sa c a

Việt Nam không phải là quần đảo “Tây Sa” và quần đảo “Nam Sa” của Trung Quốc, mà chỉ có thể là “những đảo và bãi cát ven biển miền Trung Việt Nam”. Họ còn nói Việt Nam không thể chứng minh rằng quần đảo Trường Sa là quần đảo “Nam Sa” của Trung Quốc. Đây là một luận điệu mới từ trước đến nay chưa bao giờ được Trung Quốc đưa ra.

Trong văn kiện nói trên của Bộ Ngoại giao Trung Quốc cũng như trong tạp chí *Thế giới tri thức*

số 14 năm 1980, các nhà nghiên cứu Trung Quốc cũng phải thừa nhận là có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của Việt Nam, những đảo thì họ lại nói là cũng có quần đảo “Tây Sa” và quần đảo “Nam Sa” của Trung Quốc. Vì vậy này chúng tôi phải phải nhận chỉ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo nên tìm cách nói lái sang một hướng khác.

Các nhà nghiên cứu Trung Quốc trong khi tìm cách xuyên tạc bài báo năm 1837 của giám mục J.L.Taberd ngay biển rộng theo như lại văn trong bìa báo thì quần đảo “Paracels mà giám mục mô tả chỉ là những đảo và bãi cát ven biển miền Trung Việt Nam, lại không biết họ có tình quen rộng một năm sau, năm 1838, giám mục J.L.Taberd đã cho in thêm bản đồ *An Nam địa dư học đồ* trong cuốn *từ điển Latinh- An nam*

. Trong bản đồ đó, phía ngoài các hòn đảo ở ven biển miền Trung Việt Nam như Cù lao Chàm, Cù lao Ré, Cù lao Xanh v.v... có vẽ một phần quần đảo Hoàng Sa và ghi rõ ràng

“Paracels từ Cát Vàng”

(Paracels seu Cat Vang) ở đúng vị trí quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam trên các bản đồ hiện đại. Như vậy J.L.Taberd đã phân biệt rõ quần đảo Paracels ở ngoài Biển Đông với các đảo ở ven biển miền Trung Việt Nam.

Các nhà nghiên cứu Trung Quốc cũng trích dẫn xuyên tạc các tác phẩm của Việt Nam để chứng minh rằng Bãi Cát Vàng trong bản đồ của Bá, Hoàng Sa trong *Phổ biên tập lược*

, Lê Quý Đôn đã viết:

“Ở ngoài cửa biển An Vĩnh, huyện Bình Sơn, phủ Quảng Nghĩa có núi gọi là Cù lao Ré... phía ngoài nữa lại có đảo gọi Trường Sa... đi ba ngày đêm thì mới đến”

. (Trường Sa là tên chung của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thời đó).

Văn kiện ngày 30-1-1980 của Bộ Ngoại giao Trung Quốc viết: “Về chiều dài và diện tích, tài liệu Việt Nam viết: Bãi Cát Vàng “đài 30 dặm”, “bằng phẳng rộng lớn”.

Nhng chi u dài c a đ o Vnh Hng (tên mà h đ t cho đ o Phú Lâm c a Vi t Nam) đ o l n nh t trong qu n đ o “Tây Sa” c ng không t i 2km, di n tích c ng ch 1,85km². Song n u h nhìn vào b n đ ph ng v đ 16 °15’ B c, kinh đ 111 °4 0’ òng ch c s th y ngay c n Cát Vàng là m t c n san hô, hình thành m t vành đai san hô mà trong các b n đ ph ng Tây ghi là “Banc de Découverte” n m phía nam nhóm L i Li m, có chi u dài kho ng g n 30km, chi u r ng kho ng g n 10km, gi a có h n c l ng, đúng nh Lê Quý òn đã mô t trong *Ph biên t p l c*: “Trong các đ o có c n Cát Vàng (Hoàng Sa ch) dài c h n 30 d m, b ng ph ng, r ng l n, n c trong su t đá y”.

Vn ki n nói trên l i vi t: “V đ c tr ng đ a hình và núi m o, tài li u Vi t Nam vi t: qu n đ o Hoàng Sa có cá núi linh tinh h n 130 ng n. Th nh ng, các đ o thu c qu n đ o Tây Sa ch cao h n m t bi n 5-06 mét, ch cao nh t c ng ch 15,9 mét, đ a th th p, b ng ph ng, hoàn toàn không có nhi u núi. Qu n đ o Tây Sa có t t c 35 đ o, đá ng m và bãi cát, nên càng không có cái g i là 130 ng n núi”.

đây có hai vn đ :

Th nh t là, các nhà nghiên c u Trung Qu c làm ra v không bi t r ng các hòn đ o ngoài bi n theo ch Hán th ng đ c g i là “s n”, thí d ch ven b bi n t nh Tri t Giang c a Trung Qu c đã có t i 40- 50 hòn đ o mang tên “s n” nh: an S n, Tr ng B ch S n, i Ng S n, Trung V S n, Nh t Giang S n, ng u S n, B ch S n, i D ng S n v.v... Vi t Nam tên nhi u đ o c ng mang thêm ch “s n” nh Lý S n, Ngo i La S n (Cù Lao Ré), C u u S n, Lò Chúc S n v.v... Nguyên vn ch Hán trong *Ph biên t p l c* vi t: “H i ngo i chi đông b c h u đ o d yên, qu n s n linh tinh bách nh t th p d đ nh” rõ ràng là nói v đ o ch không ph i núi trên đ t li n nh các h c gi Trung Qu c b t b.

Hai là, các nhà nghiên c u Trung Qu c làm nh không bi t r ng nhng th k tr c đây cho đ n th i Lê Quý òn, hai qu n đ o Hoàng Sa và Tr ng Sa đ c g p làm m t và g i d i m t tên chung là Bãi Cát Vàng, Hoàng Sa, i Hoàng Sa, Vn Lý Tr ng Sa, i Tr ng Sa... trong các b n đ hàng h i ph ng Tây tr c đây hai qu n đ o đ c v g p làm m t nh v y. Mãi đ n th k g n đây, khi khoa h c hàng h i và đo đ c b n đ phát tri n m i tách ra thành hai qu n đ o riêng bi t. Ngay trong *i Nam nh t th ng toàn đ* in kho ng n m 1838, tuy đã ghi hai tên Hoàng Sa và Vn Lý Tr ng Sa riêng bi t nh ng

vn v chung hai qu n đ o làm m t.

Năm 1958, 82 người Trung Quốc cơi trang ng dân đi trên 5 chiếc thuyền gi danh đánh cá đ b lên ba đo thu qu đo Hoàng Sa, đã b quân đ Sài Gòn b t gi. V v này B Ngoi giao Trung Quốc đã ra tuyên b phn đ, trong đó h cng xác nhn nhng người đó b b t qu đo Hoàng Sa c a Vi t Nam mà h nói là qu đo “Tây Sa” c a Trung Quốc.

Tháng 1- 1974, nhà c m quy n Sài Gòn t cáo B c Kinh dùng v l c đánh chi m qu đo Hoàng Sa c a Vi t Nam. B Ngoi giao Trung Quốc ra tuyên b bi n b ch cho hành đng xâm l c c a h cng không th ch i cã đ c là cu c xung đ t đã x y ra qu đo Hoàng Sa c a Vi t Nam mà Trung Quốc g i là “Tây Sa” ch không ph i các đo ven bi n mi n Trung Vi t Nam.

Nh v y, l p lu n c a Trung Quốc: Hoàng Sa và Tr ng Sa c a Vi t Nam không ph i là “Tây Sa” và “Nam Sa” c a Trung Quốc, t nó đã không th đng v ng đ c.

i. V l p lu n “qu đo “Tây Sa” và “Nam Sa” n m trên th m l c đ a Trung Quốc kéo dài t M ng C đ n Boóc nê”.

ã có m t th i gian, trong m t s tài li u và trên báo chí, Trung Quốc đ a ra l p lu n cho r ng qu đo “Tây Sa” (t c qu đo Hoàng Sa c a Vi t Nam) và qu đo “Nam Sa” t c qu đo Tr ng Sa c a Vi t Nam) n m trên th m l c đ a Trung Quốc kéo dài t M ng C đ n Boóc nê nên chúng thu c v Trung Quốc. Các ngành khoa h c v t lý h i đ ng, đ a ch t c a Trung Quốc đ u ra s c tìm tòi, nghiên c u đ c ch ng minh lu n c đó.

Nhng nh trên đã trình bày, lu t pháp qu c t đã k t lu n là không th l y y u t đ a lý nh c u t o đ a ch t, đ a hình, v trí k c n ho c ti p giáp làm c s đ xác đnh ch quy n lãnh th. Giáo s J.P. Ferrer đã nhn xét: “Lu n c c a Trung Quốc nói r ng th m l c đ a Trung Quốc kéo dài t M ng C đ n Boóc nê bao g m các đo trên th m l c đ a Boóc nê và t t nhiên là c qu đo “Hoàng Sa là h t s c quá đ ng” và “tính ch t quá đ ng c a tham v ng làm cho lu n c c a Trung Quốc m t h t giá tr”. Còn nhà nghiên c u Xôvi t E. Xtêpan p trong cu n *Trung Quốc bành tr ng trên h ng bi n*

thì coi lu n c v đ a lý c a Trung Quốc đ i v i qu đo Hoàng Sa, Tr ng Sa là

một luật cũ không có cơ sở và là một kết luận khoa học giả hiều. Có lẽ vì thế sau này và trong văn kiện ngày 30-1-1980 các không thể chấp nhận luật cũ này nữa.

Với cơ một chiển dịch tuyên truyền rùm beng, với biệt báo công sức tìm tòi, cật xén, lắp ghép các tài liệu, xây dựng lý lẽ trong mấy chục năm qua, các nhà nghiên cứu Trung Quốc đã không thể chứng minh được rằng Trung Quốc đã chiếm hữu các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ bao giờ, đã thực hiện chủ quyền ở đó như thế nào. Đó là một điều họ không bao giờ có thể làm được. Vì một lý do đơn giản: Tập đoàn này, quần đảo Hoàng Sa (phần Tây gọi là Paracels) và quần đảo Trường Sa (phần Tây gọi là Spratly) mà Trung Quốc gọi là "Tây Sa" và "Nam Sa" chưa hề bao giờ là lãnh thổ Trung Quốc.

Nhìn xét về các luật cũ mà Trung Quốc đưa ra để chứng minh chủ quyền của mình đối với hai quần đảo của Việt Nam, các luật gia có tiếng trên thế giới đã có nhiều bình luận xác đáng.

Giáo sư J.P. Ferrier phát biểu: "Luật cũ về lịch sử của Trung Quốc rất kém chính xác, và phải chứng minh đó thực hiện thái độ thiêu tin cậy của Trung Quốc đối với luật cũ này", trong khi đó luật cũ của Việt Nam "khá phong phú, chính xác hơn và có sức thuyết phục hơn". Trong tập chí Hérodote năm 1981, giáo sư Yves Lacoste cũng nhận xét: "Nếu lắp luật theo các quy định lịch sử thì các luật cũ của Việt Nam có trọng lượng hơn". Giáo sư Charles Rousseau, trưởng bộ phận luật Paris, ủy viên Viện pháp luật quốc tế cũng có một nhận xét tổng quát như sau: "Trên thực tế các mối quan hệ lịch sử lâu đời và vị trí địa lý gần gũi là hai danh nghĩa có ưu thế mà Việt Nam có thể nêu ra và họ đã làm điều đó... Nhưng một danh nghĩa như vậy chỉ có giá trị nếu nó đưa vào việc chiếm hữu thực sự của họ mà Việt Nam là nước duy nhất đã có thể thực hiện ở đây hoặc có khả năng vận dụng hơn tất cả các nước khác. Về một chiếm hữu thực sự, nhà luật gia Tổng thống Minh Thu-Việt Kiều ở Pháp đã viết: "Chúng tôi nhận xét rằng trong các bản tuyên bố của Trung Quốc không có một chứng cứ nào về sự chiếm hữu thực sự" và "trên thực tế Trung Quốc chưa bao giờ tiến hành chiếm hữu thực sự các quần đảo đó".

Giáo sư J.P. Ferrer đánh giá: cho đến trước năm 1946 (là năm Trung Quốc cho quân ra chiếm đóng trái phép một số hòn đảo ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa) "không có một dấu vết nào về một sự chiếm hữu của Trung Quốc trên quần đảo Hoàng Sa" trong khi các luật cũ của Việt Nam nhằm chứng minh rằng họ chiếm hữu thực sự hai quần đảo này vàa nhiều vĩa có tính thuyết phục".

Th t rõ ràng, nh ng l p lu n vô c n c và nh ng hành đ ng b t h p pháp c a Trung Qu c trong vi c tranh ch p ch quy n đ i v i hai qu n đ o Hoàng Sa và Tr ng Sa c a Vi t Nam đã b d lu n ti n b trên th gi i kiên quy t lên án và bác b .

2. Philíppin

Philíppin v n là n c không có quy n gì đ i v i qu n đ o Tr ng Sa vì trong l ch s Philíppin ch a bao gi đ t chân t i qu n đ o này và trong Hi p c Tây Ban Nha - M ký t i Paris ngày 10-12-1898, i u 3 xác đ nh rõ: đ ng biên gi i phía tây c a qu n đ o Philíppin đi theo kinh tuy n 118^o ông t i v tuy n 10^o B c (g n đ o Palavan) không bao g m b t k m t hòn đ o, đá ho c bãi san hô nào c a qu n đ o Tr ng Sa.

Trong m t cu c h p báo t ch c Manila ngày 17-5-1951, đ chu n b d lu n cho vi c nh y vào tranh ch p qu n đ o tr ng Sa, l n đ u tiên T ng th ng Philíppin Quirinô đ a ra ý ki n: "V i qu n đ o Tr ng Sa xét v ph ng di n đ a lý k c n qu n đ o Philíppin, nên nó ph i thu c v Philíppin". ý ki n này b B c Kinh ph n đ i, và ti p đó sau khi th t ng chính ph B o i long tr ng tuyên b ch quy n c a Vi t Nam đ i v i hai qu n đ o Hoàng Sa và Tr ng Sa H i ngh San Francisco ngày 7-9-1951 thì s vi c đã l ng đi.

Ngày 15-3-1956, chi c tàu PMI IV c a Tr ng hàng h i Philíppin do thuy n tr ng Filemon Cloma ghé vào m t s hòn đ o i qu n đ o Tr ng Sa, c m c Philíppin r i tuyên b: đã chi m h u các đ o này phù h p v i th c ti n qu c t và đ t tên là Freedomlnd (t T do).

Ngày 15-5- 1956, Thomas Cloma - hi u tr ng Tr ng hàng h i Philíppin, anh c a Filemon Cloma - thông báo cho ngo i tr ng Philíppin bi t vi c ông ta và các đ ng s c a mình đã chi m h u nh ng hòn đ o mà h cho là "m t lãnh th i Nam H i bên ngoài vùng bi n c a Philíppin".

Trong cu c h p báo ngày 19-5- 1956, tuy ch a dám kh ng đ nh d t khoát ch quy n c a Philíppin đ i v i qu n đ o Tr ng Sa, ngo i tr ng Các l t P.Gácxia v n

tuyên b là nhóm đ o Bi n ông, trong đó có đ o Ba Bình (Itu-Aba) và Tr ờng Sa (Spratly) ph i thu c v i Phil ippin vì chúng i k c n v i Phil ippin. Trong b c th th hai g i ngo i tr ờng Phil ippin ngày 6-7-1956, kèm theo m t danh sách các đ o Tr ờng Sa, Thomas Cloma thông báo đã thành l p m t chính quy n riêng cho qu n đ o "Freedomland" và yêu c u chính ph i Phil ippin cho qu n đ o này đ c h ớng quy ch "b o h ". Trong th tr l i, ngo i tr ờng Các l t nói r ờng ngoài b y hòn đ o mà qu c t g i là Spratly, còn t t c các đ o, bãi c n khác đ u là đ t vô ch " và m i công dân Phil ippin đ u có quy n t do đ n sinh c l p nghi p. i v i b y đ o c a qu n đ o Spratly, chính ph i Phil ippin coi là đ t d i ch đ i giám h c a các qu c gia ờng minh trong đó có c Phil ippin, nên công dân Phil ippin c ờng có quy n khai thác và c trú.

Các s i k i n và tuyên b trên đã gây nên nh ờng ph n ờng m nh m c a các n c có liên quan trong khu v c. Tháng 8- 1956, chính quy n Sài Gòn cho tàu chi n ra qu n đảo Tr ờng Sa, c m c và d ờng bia ch quy n trên m t s đ o. Ngày 1-10-1956, ài Loan cho hai tàu chi n đ n t ch thu v khí, tài li u và b n đ t trên chi c tàu c a Filemon Cloma.

S i vi c b l ờng xu ờng, và 15 n m trôi qua không có m t hành đ ờng gì đáng k khác c a Phil ippin.

Cho đ n n m 1971, ngày 10-7, tr c ngày khai m c H i ngh l n th 6 c a Hi p h i các qu c gia châu á và Thái Bình D ờng (ASPAC), T ờng th ờng Phil ippin Phé d i n g Mác t lên ti ờng trong m t cu c h p báo t cáo quân đ i ài Loan chi m đ ờng Ba Bình (Itu-Aba) đã b n vào các máy bay và tàu th y c a Phil ippin đi th sát trong vùng. Ông ta nh c l i quan đ i m cho r ờng qu n đ o Tr ờng Sa đang i d i ch đ i giám h trên th c t (de facto) c a các qu c gia ờng minh, và đòi quân đ i ài Loan ph i rút kh i đ o Ba Bình. Khi h i ngh ASPAC b m c, c ờng trong m t cu c h p báo t ờng th ờng Mác-c t nói rõ thêm là Phil ippin không đòi h i ch quy n đ i v i qu n đ o Tr ờng Sa; qu n đ o này đ c đ t d i quy n giám h c a các n c ờng minh, không m t qu c gia nào đ c quy n chi m đ ờng, k c Phil ippin, tr khi có s th a thu n c a ờng minh.

Nh ờng l i tuyên b trên đã gây ra ph n ờng i nhi u n c có liên quan, ài Loan và B c Kinh c ờng lên ti ờng ph n đ i. Chính quy n Sài Gòn c ờng lên ti ờng và kh ờng đ ờnh ch quy n c a Vi t Nam đ i v i qu n đ o Tr ờng Sa. Sau m t th i gian th m dò và chu n b d l u n, t n m 1971, Phil ippin chuy n sang hành đ ờng. H cho quân l n l t chi m đ ờng trái phép n m đ o i phía b c và phía đ ờng b c qu n đ o

Tr Sa v lý do "đ gi m b t m i đ e đ a đ e n ng l n n n an ninh c a
Philippin". Trong các n m
1977- 1978, Philippin l i cho quân ra chi m thêm hai đ o n a c a qu n đ o Tr Sa.
B tr Sa qu c phòng
Philippin gi i thích hành đ ng này là "đ c ng c v trí c a Philippin trên qu n đ o".

Philippin ra s c c ng c b y hòn đ o mà h ã chi m trái phép g m các đ o Song
T ông, Lo i Ta, Lo i Ta ông, B n L c, Bình Nguyên, V nh Vi n và Th T b ng
cách ch đ t ra tr ng đ a, c p thêm đ o làm đ đ ng b ng cho máy bay chi n đ u
lên xu ng, m đ đ ng hàng không th đ ng k , thi t l p các c s đ ách cá xây đ ng
các kho p l nh, t ch c th m dò, khai thác đ u khí t i Bãi C Rong, m t bãi n c
ng m i phía đ ng b c qu n đ o Tr Sa. Theo s li u n m 1979, khu v c khai
thác đ u khí này ã cung c p t i 10% nhu c u nhiên li u l ng cho Philippin.

Tháng 2-1979, ti n thêm m t b c trong vi c nh m h p pháp hóa "ch quy n" đ i
v i qu n đ o Tr Sa c a Vi t Nam, T ng th ng Philippin Mácc t công b m t
s c l nh coi toàn b qu n đ o Tr Sa (tr đ o Tr Sa c a Vi t Nam) là thu c
lãnh th c a Philippin và đ t thành m t đ n v hành chính mang tên Kalayaan n m
trong t nh Palawan. S c l nh này đ ngày 11-6-1978 và có hi u l c ngay sau khi
ký, nh ng m i tám tháng sau, tháng 2-1979 m i đ c công b . Hành đ ng này c a
Philippin ã b d lu n nhi u n c lên án m nh m .

Ngày 28-7-1980, Philippin t ch c cu c hành quân "Pôlait I" cho quân đ ng chi m
thêm đ o Công đ o, m t hòn đ o i phía nam qu n đ o Tr Sa, cách hòn đ o g n
nh t mà Philippin chi m đ ng trái phép tr c đ ây kho ng 180 h i lý.

Tháng 4-1982, Th t ng Philippin Xê da Virata cùng nhi u quan ch c cao c p khác
c a Philippin ã ra các đ o đ á chi m đ ng trên qu n đ o và tuyên b : "Do nh ng
hành đ ng v a qua, chúng ta có th ti n m t cách hòa bình t i vùng lãnh h i r ng
l n chung quanh Philippin đ xác đ nh nh ng tài nguyên thiên nhiên có th có i
đ áy bi n, trong lòng đ t đ i đ áy bi n, nh m ph c v cho công cu c phát tri n đ t
n c".

i th c hi n âm m u m r ng quy n tài phán trên các vùng bi n chung quanh các
đ o chi m đ ng trái phép và c các đ o mà h ch a chi m đ c, đ t o cho mình
m t "th đ ng pháp lý" i khu v c này, Philippin ã chu n b m t d lu t quy đ nh

h th ng đ ng c s dùng đ tính lãnh h i c a qu n đ o Phil íppin, theo đó, đ ng c s đi qua t t c các đ o trong qu n đ o Tr òng Sa c a Vi t Nam tr đ o Tr òng Sa. Ngày 10-11-1987, B tr òng ngo i giao và Ch t ch y ban đ i ngo i Th òng ngh vi n Phil íppin đã tuyên b trong m t cu c h p báo là Phil íppin s đ a d lu t đó ra thông qua chính th c tr c Qu c h i và lãnh th c a Phil íppin s bao g m h u h t các đ o đang có m t quân đ i Vi t Nam. V i d lu t này, Phil íppin âm m u l i d ng quy ch qu c gia qu n đ o trong Công òc c a Liên h p qu c v Lu t Bi n n m 1982 đ t o c s pháp lý cho vi c m r ng lãnh th c a h ra ngoài đ ng biên gi i phía tây c a Phil íppin đã đ c xác đ nh trong Hi p òc Paris n m 1898. Nh ng khi đ a ra Qu c h i, d lu t nói trên đã không đ c thông qua do nhi u nguyên nhân khác nhau.

Qua nh ng s vi c trên, ta th y ý đ c a Phil íppin trong vi c tranh ch p ch quy n đ i v i các đ o trong qu n đ o Tr òng Sa c a Vi t Nam là rõ ràng, b c đi c ng đ c tính toán c n k : t giai đ o n th m dò, chu n b d lu n đ n giai đ o n hành đ ng chi m đóng trái phép d n t ng đ o. Nh ng Phil íppin hoàn toàn không có c s gì v l ch s và pháp lý đ ch ng minh ch quy n c a h đ i v i các đ o này. L p lu n c a Phil íppin h t s c m h và không nh t quán.

N m 1951, T ng th ng Phil íppin đ a ý ki n nh m th m dò d lu n là qu n đ o Tr òng Sa ph i thu c v Phil íppin vì v m t đ a lý nó k c n v i qu n đ o Phil íppin. N m 1956, Phil íppin l i l p lu n r ng h u h t các đ o, đá, c n, bãi trong qu n đ o Tr òng Sa là "vô ch ", ch có b y đ o thu c quy n giám h " c a òng minh. N m 1979 s c l nh c a t ng th ng Phil íppin l i gi i thích là qu n đ o Tr òng Sa n m trên th m l c đ a c a Phil íppin và r t h tr ng đ i v i n n kinh t và an ninh c a Phil íppin. Nh ng d lu n d dàng nh n th y r ng nh ng l p lu n c a h đ u không phù h p v i nh ng nguyên t c, tiêu chu n c a lu t pháp và t p quán qu c t , và không th bi n minh cho nh ng hành đ ng c a h xâm ph m nghiêm tr ng ch quy n c a Vi t Nam đ i v i qu n đ o Tr òng Sa.

3. Malayxia

Malaixia là n c b c l ý đ nh y vào cu c tranh ch p mu n h n c .

Ngày 3 -2- 1971, đ i s Malaixia t i Sài Gòn g i m t công hàm cho B Ngo i giao chính quy n Sài Gòn g i ý m t cách d d t r ng h có ch quy n đ i v i ph n phía nam qu n đ o Tr òng Sa ã gi a v đ 9 ° B c và kinh đ 112 ° òng mà h g i là n c C ng hòa M r c Songhrati Mit n m trong Liên bang Malaixia. Ngày 20-4-1971, chính quy n Sài Gòn tr l i bác b ý ki n đó kh ng đ nh qu n đ o Tr òng Sa thu c

chủ quyền hoàn toàn của Việt Nam, thì Malaixia im lặng không tỏ thái độ gì. Mãi đến tháng 12-1979, Malaixia cho xuất bản một tờ báo vờ ranh giới lãnh hải của Malaixia lấn vào vùng biển phía nam quần đảo Trường Sa, trong đó có các đảo An Bang, Thủy Chài có quân đội Việt Nam đóng giữ và đảo Công đò do Philippin chiếm đóng trái phép.

Năm 1982, Malaixia cho quân đội ra đặt cột mốc, dựng cột cờ trên đảo Hoa Lau của quần đảo Trường Sa. Đến tháng 6-1983, đích thân tướng tham mưu trưởng quân đội Malaixia chỉ huy một cuộc hành quân ra chiếm đóng đảo Hoa Lau ở phía đông nam đảo An Bang 60 hải lý nhằm giành chủ quyền trên một vùng biển rộng lớn tại đảo Hoa Lau bên biển Malaixia và có được một chỗ đứng chân để tranh chấp một phần quần đảo Trường Sa của Việt Nam.

Sau đó, họ cho đào một đảo này một con kênh dài 1.800 mét qua bãi san hô cho tàu thủy vào trú đậu, xây dựng đảo thành một điểm tựa cho các hoạt động lấn chiếm tiếp theo.

Tháng 12- 1986, Malaixia lại tiếp tục cuộc hành quân ra chiếm đóng bãi đá Kênh Vân ở phía bắc Hoa Lau khoảng 40 hải lý, đông An Bang khoảng 60 hải lý, và chiếm bãi đá Kênh Ngựa ở phía đông bắc Hoa Lau khoảng 40 hải lý.

Tháng 6-1999, Malaixia đã cho quân chiếm thêm 2 vị trí ở quần đảo Trường Sa là bãi đá én Ca và bãi cồn Thám hiểm.

Ngày 5/3/2009, Thủ tướng Malaysia đã thăm đảo đá Hoa Lau thuộc quần đảo Trường Sa và tuyên bố chủ quyền đối với hòn đảo này cùng các vùng biển phụ cận. Người phát ngôn Bộ Ngoại giao ta đã nói “Lập trường của Việt Nam đối với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là rõ ràng trong quá trình tìm kiếm giải pháp công bằng và lâu dài cho các tranh chấp đối với 2 quần đảo này”, Việt Nam cho rằng các bên liên quan cần tuân thủ công ước của Liên hiệp quốc về Luật biển 1982 và “Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông”. Không nên có hành động làm phức tạp thêm tình hình, góp phần duy trì hoà bình ổn định và hợp tác ở khu vực.

III. Kết luận

Việt Nam nằm trên b Bi n ông, có b bi n dài h n 3260km v i hàng ngàn hòn đ o và qu n đ o g n b , xa b , trong đó có nh ng qu n đ o nh qu n đ o Hoàng Sa cách b bi n t i trên 150 h i lý, qu n đ o Tr òng Sa cách b kho ng 250 h i lý v.v.. trên m t vùng bi n li n v i đ t li n không có gì ng n cách.

Hai qu n đ o Hoàng Sa và Tr òng Sa v n thu c v l ãnh th Việt Nam t lâu đ i. Nhà n c Việt Nam đã chi m h u hai qu n đ o t khi chúng ch a thu c v b t c qu c gia nào, và đã liên t c, th c s th c hi n ch quy n v i danh ngh a Nhà n c mà qua l ch s m y tr m n m không h có m t qu c gia nào lên ti ng ph n đ i. D lu n qu c t c ng m c nhiên công nh n. Các công ty n c ngoài k c các n c n m ngoài ph m vi Bi n ông, khi mu n đ n khai thác m t hòn đ o nào c ng ph i xin phép nhà c m quy n theo đúng th t c.

Các v n đ vùng bi n thu c ch quy n, thu c quy n v ch quy n và thu c quy n tài phán qu c gia ngày càng đ c m r òng (bao g m n i thu , l ãnh h i, vùng ti p giáp l ãnh h i, vùng đ c quy n v kinh t và th m l c đ a) nên các qu c gia có bi n lao vào nh ng vùng đ t và đ o thu c ch quy n c a mình, th m chí không ph i thu c ch quy n c a mình m t cách h p pháp đ tranh giành nh ng quy n i không chính đ ãng và h p lý. Bi n ông c ng không ph i là ngo i l . Cu c tranh ch p c a đ o Bi n ông v n đã c ng th ng nay i càng c ng th ng, v n đã ph c t p nay i tr nên m t trong nh ng tranh ch p l ãnh th trên bi n ph c t p nh t trên th gi i.

M c dù hai qu n đ o Hoàng Sa và Tr òng Sa t lâu và luôn luôn thu c ch quy n c a Việt Nam, nh ng Nhà n c ta luôn luôn ch tr òng th òng l òng hòa bình v i nh ng n c có liên quan đ gi i quy t các v n đ m t cách h p tình h p lý phù h p v i lu t pháp và t p quán qu c t , phù h p v i xu th đ i tho i trong khu v c ông Nam á và v i quy n v òng c a nhân dân th gi i.

T n m 1977 , Việt Nam đã tham gia H i ngh c a Liên h p qu c bàn v Lu t Bi n và đã có nh ng đ óng góp nh t đ ãnh vào cu c đ u tranh chung c a các n c trên th gi i đ c bi t là c a n c đ ãng phát tri n, đ u tranh vì m t tr t t pháp lý m i công b òng trên bi n. Việt Nam là m t trong 130 qu c gia đã b phi u thông qua công c v Lu t Bi n 1982 và là m t trong 119 qu c gia đã ký vào Công c ngày 10-12-1982. Ngay t n m 1977, Chính ph C òng hòa x h i ch ngh a Việt Nam đã tuyên b công khai nêu rõ quan đ i m gi i quy t c a tranh ch p trên bi n là "... cùng các n c có liên quan, thông qua th òng l òng trên c s tôn tr òng đ c l p ch quy n c a nhau, phù h p v i lu t pháp và t p quán qu c gia, gi i quy t các

v n đ v các vùng bi n và th m l c đ a c a m i bên". Đây là m t trong nh ng tuyên b s m nh t theo tinh th n công o c k hu v c ô ng Nam á, đ gi i quy t các v n đ tranh ch p trên bi n thông qua gi i pháp th o ng l o ng tr c ti p và thi n chí, trên c s tôn tr ng các quy n và l i ích h p pháp c a các bên liên quan, không áp đ t nhau, nh m đi đ n tho thu n v m t gi i pháp công b ng h p lý mà các bên đ u ch p nh n đ c.

Ngày 12-11-1982, Chính ph C ng hòa xã h i ch ngh a Vi t Nam đã kh ng đ nh l i quan đi m "thông qua th o ng l o ng" c a tuyên b 12-5-1977. Trong Ngh quy t ngày 23-6-01994, phê chu n Công o c v Lu t Bi n 1982, k h p th 5 Qu c h i n o c C ng hòa xã h i ch ngh a Vi t Nam đã kh ng đ nh l i l p tr o ng " ... gi i quy t các tranh ch p v ch quy n lãnh th c ng nh các b t đ ng khác liên quan đ n Bi n ô ng thông qua th o ng l o ng hòa bình trên tinh th n bình đ ng, liên k t và tôn tr ng l n nhau, tôn tr ng pháp lu t qu c t, đ c bi t là công o c c a Liên h p qu c v Lu t Bi n 1982, tôn tr ng ch quy n và quy n tài phán qu c gia c a các n o c ven bi n đ i v i vùng đ c quy n v kinh t và th m l c đ a.

M t l n n a, Vi t Nam đã bi u th r o quy t tâm cùng c ng đ ng qu c t xây d ng m t tr t t pháp lý công b ng, khuyn khích s phát tri n và h p tác trên bi n.

Trong th c t, trên c s l p tr o ng, quan đi m nói trên, Vi t Nam đã t ng th o ng l o ng và đàm phán v i nhi u n o c trong khu v c nh ng v n đ đang còn l i tranh ch p. Ngày 30- 3-1988, trong chuy n th m Vi t Nam c a o àn đ i bi u y ban Qu c phòng và An ninh H ngh vi n Philíppin, Vi t Nam và Philípin đã tho thu n "s không dùng v l c đ gi i quy t m i b t đ ng, k c v qu n đ o Tr o ng Sa. Con đ o ng duy nh t đ gi i quy t là thông qua đ m phán" và "C ng hòa Philíppin và C ng hòa xã h i ch ngh a Vi t Nam m i m i là b n c a nhau". Th a thu n này th hi n thi n chí hòa bình c a hai n o c, phù h p v i tho thu n gi a Vi t Nam, Malaixia và Philíppin n m 1978: m i b t đ ng và tranh ch p v lãnh th s đ c gi i quy t thông qua th o ng l o ng trên tinh th n hòa gi i và h u ngh, đ ng th i c ng phù h p v i nguyên t c c a lu t pháp qu c t và xu th đ i tho i đang phát tri n ô ô ng Nam á và trên th gi i. n nay Vi t Nam đã thông qua đàm phán ký đ c Hi p đ nh gi i quy t v n đ phân đ nh ranh gi i v i Thái Lan ngày 9-8-1997, đã đ c hai n o c tho thu n trên c s lu t pháp và th c ti n qu c t. ã hoàn t t vi c phân đ nh th m l c đ a v i Indônêxia (2003).

o i v i nh ng n o c ch a gi i quy t đ c d t đi m đ c v n đ phân đ nh, Vi t Nam đã duy trì tho thu n, th m dò khai thác chung d u khí trong vùng bi n tây

nam v i Malaixia và thúc đ y đ m phán và khai thác chung đ u khí vùng ch ng l n ba bên Vi t Nam - Malaixia - Thái Lan. Trong khi ch a gi i quy t đ t đ i m đ c v n đ phân đ nh, vi c duy trì các th a thu n và đ m phán v khai thác chung các vùng bi n, trên tinh th n hi u bi t và h p tác c a các n c h u quan và trên c s các quy đ nh c a Công c Lu t Bi n 1982, phù h p v i lu t pháp và th c ti n qu c t . Các bi n pháp t m th i này không n h h ng đ n vi c gi i quy t đ t khoát v n đ phân đ nh gi a các bên h u quan sau này và tr c m t có th đ m b o v n đ qu c phòng an ninh và tr t t trong khu v c. B o v ch quy n và toàn v n lãnh th c a T qu c còn gay go ph c t p và lâu dài, nh ng chúng ta có chân lý, l p h i và chính ngh a, luôn luôn đ c đ lu n th gi i đ ng tình ng h , nh t đnh s đ t đ c thành công.

Vu Phi Hoa ng, Nguyên Giám đ c V n phòng ch đ o mi n Nam, Liên B Qu c Phòng-Giao thông V n T i- Khí t ng Th y v n

www.nghiencuubiendong.vn

1 T p chí *Công pháp qu c t*, Paris, 1975.